



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

Địa chỉ: KCN Nhơn Trạch, Trần Phú, Hiệp Phước, Nhơn Trạch, Đồng Nai

Website: www.ntw.com.vn



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH



2017

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN



MỤC LỤC



| | |
|-------------------------------|-----------|
| THÔNG TIN CHUNG | 1 |
| TỔ CHỨC NHÂN SỰ | 19 |
| TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM | 33 |
| BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC | 49 |
| BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ | 57 |
| BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG | 63 |
| QUẢN TRỊ CÔNG TY | 69 |
| BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN | 77 |



THÔNG TIN CHUNG

- ✓ Thông tin khái quát
- ✓ Quá trình hình thành và phát triển
- ✓ Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- ✓ Mô hình quản trị, cơ cấu tổ chức
- ✓ Định hướng phát triển
- ✓ Rủi ro



THÔNG TIN KHÁI QUÁT

| | | |
|-----------------------|---|--|
| Tên công ty | : | CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH |
| Tên giao dịch | : | NHON TRACH WATER SUPPLY JOINT STOCK COMPANY |
| Tên viết tắt | : | NTW |
| Giấy CNĐKDN số | : | 3600977120 đăng ký thay đổi lần 06 ngày 13 tháng 09 năm 2017 |
| Vốn điều lệ | : | 100.000.000.000 VNĐ (Một trăm tỷ đồng Việt Nam) |
| Vốn đầu tư chủ sở hữu | : | 100.000.000.000 VNĐ (Một trăm tỷ đồng Việt Nam) |
| Địa chỉ | : | KCN Nhơn Trạch, đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai |
| Số điện thoại | : | (0251) 3 560 574 |
| Số fax | : | (0251) 3 560 031 |
| Website | : | www.ntw.com.vn |
| Email | : | nhotrawa@yahoo.com.vn |
| Mã cổ phiếu | : | NTW |

Logo công ty



NTW





QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

1997

Tiền thân là xí nghiệp Nước Nhơn Trạch, đơn vị trực thuộc Công ty TNHH Một Thành viên Xây dựng Cấp nước Đồng Nai được thành lập theo quyết định số 03/XD.QĐ ngày 08/04/1997 của Sở Xây dựng Đồng Nai

2007

Chuyển đổi thành CTCP Cấp nước Nhơn Trạch theo Quyết định số 3059/QĐ – UBNN ngày 24/09/2007 của UBNN tỉnh Đồng Nai về việc “phê duyệt phương án và chuyển Xí nghiệp Nước Nhơn Trạch thành Công ty Cổ phần

2008

24/01/2008 Đại hội đồng cổ đông thông qua điều lệ tổ chức hoạt động cho CTCP Cấp nước Nhơn Trạch. Ngày 14/02/2008 được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4703000498

2012

Cổ phiếu Công ty chính thức được giao dịch trên sàn UPCOM với vốn điều lệ là 50.000.000.000 VNĐ

2016

Thực hiện thành công đợt tăng vốn điều lệ từ nguồn vốn chủ sở hữu theo nghị quyết lấy ý kiến ĐHĐCĐ số 01/2015/NQLYK-ĐHĐCĐ ngày 20/10/2015. Theo báo cáo tài chính kiểm toán năm 2016, vốn điều lệ của NTW hiện đang là 75 tỷ đồng

2017

Thực hiện tăng vốn điều lệ Công ty từ 75 tỷ lên 100 tỷ đồng sau khi hoàn tất việc phát hành cổ phiếu tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu theo nghị quyết số 01/2017/NQ-ĐHĐCĐ-NTW ngày 20/04/2017



NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

Hiện nay Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch (NTW) đang hoạt động trong các lĩnh vực chính như sau:



Khai thác xử lý và cung cấp nước

- ✓ Khai thác, lọc nước phục vụ sinh hoạt
- ✓ Khai thác, lọc nước phục vụ công nghiệp
- ✓ Phân phối nước sạch

Xây dựng công trình công ích

- ✓ Xây dựng công trình đường ống cấp thoát nước.
- ✓ Xây dựng trạm bơm



✓ **ĐỊA BÀN KINH DOANH**

Công ty cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch (NTW) có địa bàn hoạt động kinh doanh chủ yếu tại Huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.



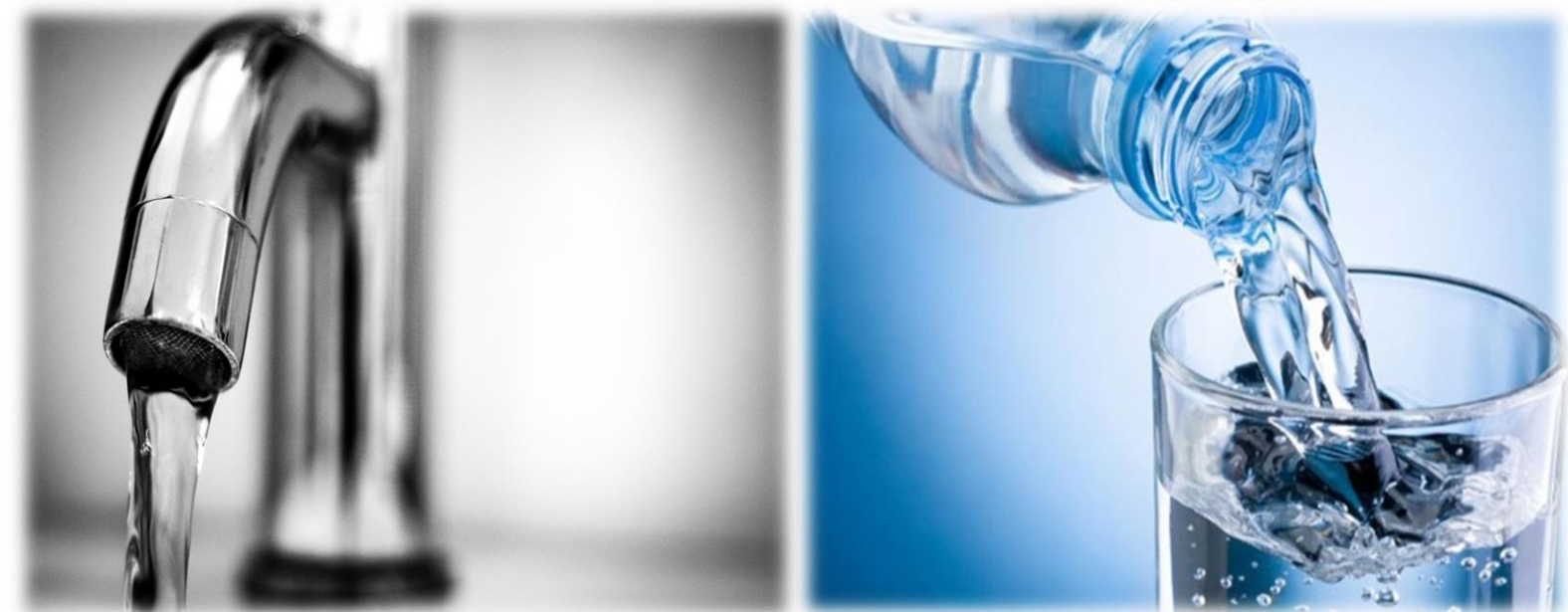
Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí

- ✓ Lắp đặt ống cấp, thoát nước, bơm nước



Hoạt động kiến trúc và tư vấn có liên quan

- ✓ Theo dõi, giám sát lắp đặt thiết bị công trình
- ✓ Xây dựng, hoàn thiện công trình cấp nước





MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC

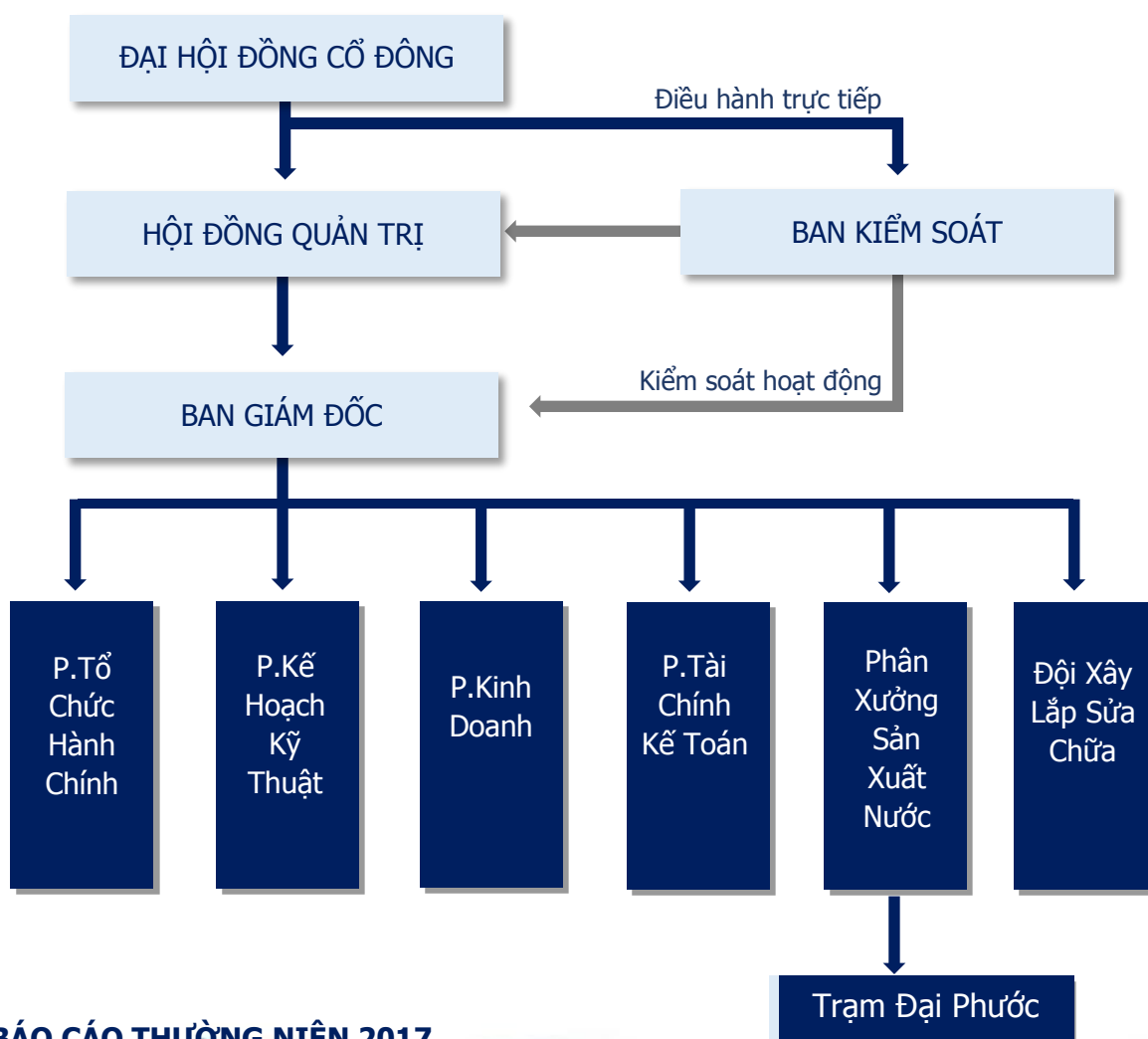
Mô hình quản trị



Là một công ty cổ phần, mô hình quản trị của Công ty tổ chức theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Bao gồm các bộ phận:

- ✓ Đại hội đồng cổ đông
- ✓ Hội đồng quản trị Công ty
- ✓ Ban kiểm soát
- ✓ Ban Giám đốc
- ✓ Phòng chuyên môn nghiệp vụ

Cơ cấu bộ quản lý điều hành





ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN



Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

Là một doanh nghiệp trong lĩnh vực cấp nước hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần, Công ty đặt các mục tiêu phát triển chủ yếu sau:

- ❖ Đảm bảo cung cấp nước ổn định cho địa bàn hoạt động và không ngừng mở rộng khu vực kinh doanh.
- ❖ Duy trì và nâng cao chất lượng nước cung cấp theo tiêu chuẩn của Bộ Y tế.
- ❖ Tối đa hóa lợi ích kinh tế của cổ đông đi đôi với phát triển bền vững.
- ❖ Tôn trọng và tuân thủ pháp luật, quản trị Công ty minh bạch tạo sự phát triển mạnh mẽ.



Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- ❖ Kiểm soát giá vốn hàng bán: Do đặc thù hoạt động trong ngành cung cấp nước, công ty cần kiểm soát chi phí chủ yếu là điện năng, nguồn nước và một số loại hóa chất chuyên xử lý nước như phèn, vôi, clo,... để cải thiện kết quả hoạt động kinh doanh.
- ❖ Uy tín và chất lượng: Tận dụng tối đa các nguồn lực có sẵn đồng thời nâng cao chất lượng dịch vụ tìm kiếm, sửa chữa kịp thời các lỗi phát sinh. Để đảm bảo việc cung cấp nước cho sản xuất và sinh hoạt của các doanh nghiệp, tổ chức và khu dân cư trên địa bàn hoạt động.
- ❖ Đội ngũ nhân sự: Có kế hoạch cho việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đẩy mạnh ứng dụng khoa học kỹ thuật, cơ sở hạ tầng và quản lý kinh doanh, phát huy tối đa tính sáng tạo, xây dựng một đơn vị cấp nước vững mạnh.

Các mục tiêu đối với môi trường xã hội

Với hoạt động chính là sản xuất và phân phối nước sạch, có ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe cộng đồng, Công ty luôn ý thức được vai trò và trách nhiệm của mình đối với môi trường, cộng đồng và xã hội. Sau đây là mục tiêu cụ thể của công ty đối với môi trường và xã hội:

Đối với môi trường

Công ty luôn dành sự quan tâm nhất định và rất xem trọng yếu tố môi trường trong quá trình sản xuất. Chất lượng nước luôn đảm bảo được các chỉ tiêu Lý - Hóa và Vi sinh theo tiêu chuẩn của Bộ Y Tế. Bên cạnh đó, các quy định về khai thác và sử dụng nguồn nước ngầm cũng được NTV nghiêm túc tuân thủ nhằm bảo vệ và tránh cạn kiệt tài nguyên thiên nhiên. Ngoài ra, Công ty cũng có biện pháp hạn chế các tác nhân gây ô nhiễm môi trường phát sinh từ các hoạt động sản xuất, thi công xây lắp.

Đối với xã hội cộng đồng

- ✓ Công ty luôn nỗ lực cải tiến kỹ thuật, ứng dụng công nghệ, cải cách thủ tục để đảm bảo cung cấp nguồn nước liên tục, ổn định với chất lượng tốt nhất, đảm bảo tính kịp thời cho mọi nhu cầu của người dân và khách hàng doanh nghiệp;
- ✓ Đảm bảo chất lượng nước luôn đạt chuẩn, an toàn cho người sử dụng, thường xuyên rà soát mạng lưới cấp nước, các trạm bơm và trạm biến áp, đảm bảo chất lượng nguồn nước an toàn và đồng nhất cho mọi khách hàng;
- ✓ Thường xuyên tổ chức các hoạt động từ thiện, quyên góp hỗ trợ các đối tượng khó khăn thông qua các chương trình ủng hộ quỹ đền ơn đáp nghĩa, Tiếp bước cho em đến trường.





CÁC RỦI RO

Rủi ro pháp luật

Là doanh nghiệp hoạt động theo hình thức công ty cổ phần, đăng ký giao dịch cổ phiếu tại Sở GDCK Hà Nội nên hoạt động của NTW chịu nhiều tác động từ các văn bản pháp luật như Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng Khoán, các Nghị định, thông tư liên quan về hoạt động công bố thông tin,... Ngoài ra với ngành nghề khai thác và cung cấp nước sạch, hoạt động của công ty còn chịu sự chi phối bởi các văn bản luật liên quan đến việc quản lý, khai thác và sử dụng tài nguyên nước. Giá bán nước cũng vì thế sẽ bị kiểm soát từ đó ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả kinh doanh của NTW. Trong những năm gần đây, rất nhiều văn bản pháp luật có sự thay đổi nhằm đáp ứng sự hội nhập sâu rộng đang diễn ra trong nền kinh tế hiện nay. Mỗi sự thay đổi đều hàm chứa cơ hội và thách thức ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

NTW luôn tìm cách để đưa ra những giải pháp nhằm hạn chế rủi ro về pháp luật như: Cập nhật liên tục quá trình thay đổi các quy định pháp luật điều chỉnh về tổ chức hoạt động của công ty để có được sự thay đổi thích nghi phù hợp góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động. Các bộ phận trong phòng ban của công ty luôn có trách nhiệm tìm hiểu và xây dựng quy trình hoạt động phù hợp với pháp luật và có được nhiều hiệu quả khi áp dụng thực tế. Tạo điều kiện cho cán bộ công nhân viên cập nhật kiến thức pháp luật bằng cách cử nhân sự tham dự các buổi hội thảo phổ biến các quy định mới của cơ quan ngành và đơn vị tư vấn doanh nghiệp.



Rủi ro kinh tế

Theo đánh giá của Tổng cục Thống kê, tình hình Kinh tế - Xã hội Việt Nam năm 2017 có nhiều thuận lợi trong bối cảnh kinh tế thế giới chuyển biến tích cực với đà tăng trưởng khả quan của nền kinh tế Mỹ và các nước phát triển. Tăng trưởng GDP năm 2017 đạt mức 6.81% vượt mục tiêu 6.7% Quốc Hội đề ra từ đầu năm, đây cũng là mức tăng cao trong suốt những năm qua. Tuy nhiên, với đặc thù lĩnh vực của Công ty là khai thác và phân phối nước sạch, là yếu tố không thể thiếu trong đời sống sinh hoạt và sản xuất do đó ít bị tác động mạnh bởi các yếu tố thay đổi nhanh chóng của nền kinh tế.

Mặc dù ít chịu biến động từ thay đổi kinh tế, nhưng không vì vậy mà công ty chủ quan với tình hình chung. Ban Lãnh đạo Công ty luôn cập nhật và theo sát diễn biến kinh tế vĩ mô, nhằm đảm bảo nhận diện và ứng phó kịp thời với các rủi ro do tác động từ nền kinh tế.

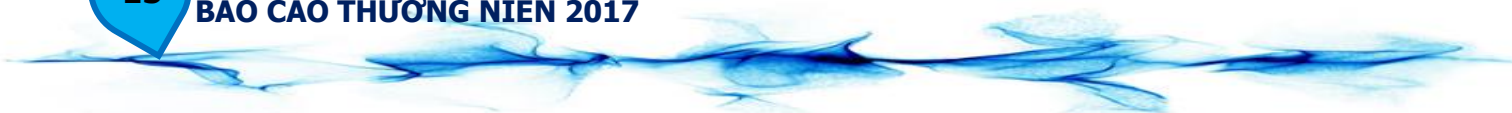


Rủi ro về mạng lưới hoạt động

Với đặc thù hoạt động là đơn vị khai thác, cung cấp nước sử dụng cho sản xuất và sinh hoạt, công ty không thể trách khỏi vấn đề thất thoát trong quá trình truyền dẫn sản phẩm đến khách hàng. Giải pháp cho bài toán này thực sự là một thách thức không nhỏ đối với ban lãnh đạo của NTW. Với mạng lưới phân bố rộng khắp như hiện nay, công tác kiểm soát thất thoát hàng năm gặp nhiều khó khăn do hệ thống đường ống cấp nước có thể đã cũ, ống mục chưa được thay thế làm rò rỉ nước. Bên cạnh đó sự gian lận trong sử dụng của một số người tiêu dùng cũng góp phần làm gia tăng mức độ ảnh hưởng của rủi ro này.

Với những khó khăn như trên, Công ty đã tăng cường bố trí thêm các cán bộ chuyên trách định kỳ kiểm tra và rà soát nhằm khắc phục cũng như giảm thiểu những rủi ro có thể xảy ra đối với mạng lưới ống dẫn nước. Thực hiện kiểm tra giám sát các hộ gia đình, cơ sở sản xuất có dấu hiệu gian lận để tránh thất thoát.

NTW luôn lên kế hoạch cụ thể cho việc tu sửa và nâng cấp các hệ thống đường ống cũng như các trạm bơm, trạm tăng áp và giếng khoan để nhằm hạn chế tối đa rủi ro về việc thất thoát nước.





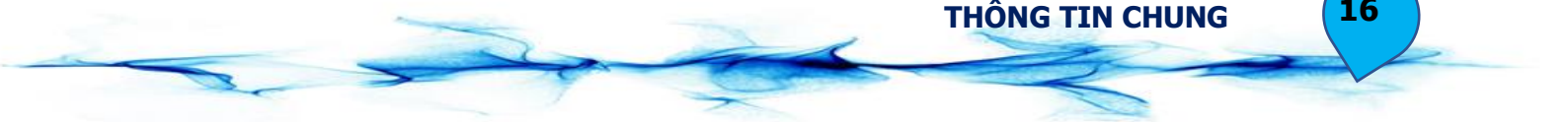
Rủi ro nguyên vật liệu, giá cả và các yếu tố đầu vào

Đầu vào của quá trình sản xuất tại Nhà máy là nguồn nước ngầm mà Công ty khai thác được. NTW sử dụng các nguyên phụ liệu để xử lý nước bao gồm Clo (Cl_2) và Natri Hydroxyt ($NaOH$). Các loại hóa chất này chủ yếu được Công ty mua từ những doanh nghiệp cung cấp có uy tín trên thị trường vì thế luôn đảm bảo được chất lượng tốt nhất khi sử dụng. Nguồn cung cấp nguyên liệu năm qua nhìn chung khá ổn định do Công ty và các nhà cung cấp có mối quan hệ gắn bó từ rất lâu. Do đó rủi ro về nguyên vật liệu dùng xử lý nước là không quá lớn đối với Công ty.

Ngoài ra, vì giá bán nước chịu sự kiểm soát của các quy định đặc thù trong ngành nên thực tế khi áp dụng phương án kinh doanh đã được phê duyệt Công ty phải chịu rủi ro về giá nếu chi phí có sự biến động lớn.

Để hạn chế về rủi ro nguyên vật liệu NTW đã luôn duy trì tốt mối quan hệ hợp tác với các đơn vị cung cấp cũ và cũng không quên tìm kiếm những nguồn cung cấp mới để có được phương án dự phòng và có thêm sự lựa chọn cho mục tiêu tiết kiệm chi phí đầu vào.

Ngoài ra trong quá trình hoạt động, Công ty luôn đề ra kế hoạch chi tiết từ đó theo sát quá trình thực hiện nhằm quản lý hiệu quả sử dụng nguồn nước ngầm cũng như đảm bảo chất lượng và duy trì được quá trình cung cấp nước đến khách hàng của mình được đầy đủ và liên tục.



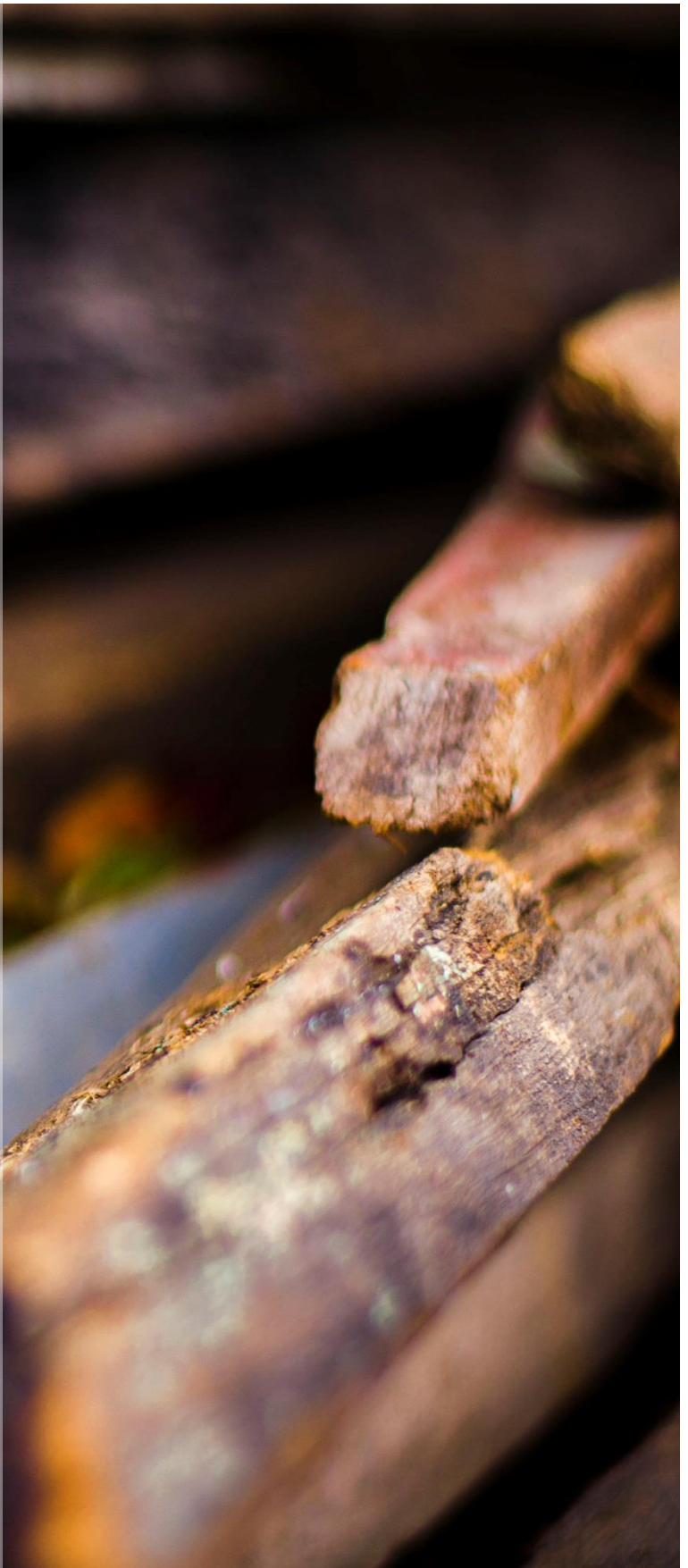
Rủi ro về môi trường

Trong quá trình hoạt động và cung cấp dịch vụ của mình, NTW không tránh khỏi có những tác động nhất định đến môi trường xung quanh khu vực nhà máy.

Chính vì thế công ty luôn ý thức và tuân thủ các quy định về môi trường trong việc kiểm tra chất lượng nước và bảo quản hóa chất xử lý nước. Không ngừng cải tiến kỹ thuật để giảm thiểu những rủi ro gây ra ô nhiễm tại khu vực sản xuất.

NTW luôn có sự kiểm soát, đánh giá tác động của hoạt động sản xuất đến môi trường. Hệ thống công nghệ áp dụng được bảo trì định kỳ, đảm bảo duy trì trạng thái hoạt động của máy móc ở mức tốt nhất để tạo ra dòng nước sạch phân phối đến khách hàng.





TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

- ✓ **Ban điều hành công ty**
- ✓ **Hội đồng quản trị**
- ✓ **Ban kiểm soát**
- ✓ **Những thay đổi trong ban điều hành**
- ✓ **Tình hình nhân sự và chính sách đối với người lao động**



BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

Thành viên ban điều hành công ty

| Thành viên Ban Điều hành | Chức Vụ |
|--------------------------|-----------------------------------|
| Ông Nguyễn Anh Tuấn | Giám Đốc |
| Ông Ngô Dương Đại | Phó Giám Đốc |
| Ông Võ Quang Hồng | Phó Giám Đốc |
| Đặng Thị Thu Hằng | Phụ trách phòng Tài chính Kế toán |



Sơ yếu lý lịch Ban điều hành

Ông Nguyễn Anh Tuấn

Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Giám Đốc

Sinh năm: 1967

Nơi sinh: Thanh Hóa

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế. Kỹ sư cấp thoát nước

Số lượng cổ phiếu sở hữu cá nhân: 60.000 cổ phần - tỷ lệ 0,6% vốn điều lệ

Đại diện phần vốn: 1.200.000 cổ phần - tỷ lệ 12% vốn điều lệ

Quá trình công tác:

- ✓ 1968 – 1988: Công ty Xây dựng Lọc Hóa Dầu Long Thành - Đồng Nai
- ✓ 1988 – 1989: Công ty Dừa Long Thành - Đồng Nai
- ✓ 1989 – 1997: Công ty Khoan Cấp Nước Đồng Nai
- ✓ 1997 – Nay: Xí nghiệp Nước Nhơn Trạch nay là Công ty cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch - Đồng Nai

Ông Võ Quang Hồng

Phó Giám Đốc

Sinh năm: 1958

Nơi sinh: Đồng Nai

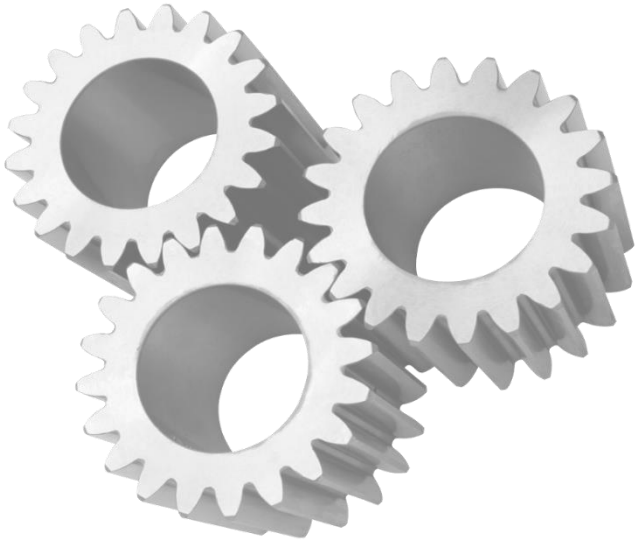
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư đô thị

Số lượng cổ phiếu sở hữu cá nhân: 1.332 cổ phần - tỷ lệ 0,013% vốn điều lệ

Đại diện phần vốn: 0 cổ phần

Quá trình công tác:

- ✓ 1978 – 2002: Xí nghiệp Nước Long Khánh – Đồng Nai
- ✓ 2002 – Nay: Xí nghiệp Nước Nhơn Trạch, nay là Công ty cổ phần Cấp Nước Nhơn Trạch - Đồng Nai



Ông Ngô Dương Đại

Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám Đốc

Năm sinh: 1979

Nơi sinh: Hà Nội

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Số lượng cổ phiếu sở hữu cá nhân: 0 cổ phần

Đại diện phần vốn: 1.000.000 cổ phần - tỷ lệ 10% vốn điều lệ

Quá trình công tác:

- ✓ 2001 - 05/2012: Công ty TNHH Xây dựng Cấp nước Đồng Nai, nay là Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai
- ✓ 06/2012 – Nay: Công ty cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch

Bà Đặng Thị Thu Hằng

Phụ trách phòng Tài chính Kế toán

Năm sinh: 1986

Nơi sinh: Đồng Nai

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Số lượng cổ phiếu sở hữu cá nhân: 2.000 cổ phần – tỷ lệ 0,02% vốn điều lệ

Đại diện phần vốn: 0 cổ phần

Quá trình công tác:

- ✓ 2009 – 2012: Nhân viên Phòng TC – KT Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch
- ✓ 2012 – 2016: Phó phòng TC – KT Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch
- ✓ 2016 – Nay: Phụ trách phòng TC – KT Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

| Thành viên HĐQT | Chức Vụ |
|-----------------------|-----------------------------------|
| Ông Nguyễn Cao Hà | Chủ tịch Hội đồng quản trị |
| Ông Nguyễn Anh Tuấn | Thành viên HĐQT kiêm Giám Đốc |
| Ông Ngô Dương Đại | Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám Đốc |
| Ông Nguyễn Thanh Bình | Thành viên HĐQT |
| Ông Nguyễn Chí Quốc | Thành viên HĐQT |

CƠ CẤU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- ❖ **Ông Nguyễn Cao Hà – Chủ tịch Hội đồng quản trị**
 - Số lượng cổ phiếu sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
 - Đại diện phần vốn: 1.843.736 cổ phần - tỷ lệ 18,44% vốn điều lệ
- ❖ **Ông Nguyễn Anh Tuấn - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Giám Đốc**
 - Số lượng cổ phiếu sở hữu cá nhân: 60.000 cổ phần - tỷ lệ 0.6% vốn điều lệ
 - Đại diện phần vốn: 1.200.000 cổ phần - tỷ lệ 12% vốn điều lệ
- ❖ **Ông Ngô Dương Đại – Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám Đốc**
 - Số lượng cổ phiếu sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
 - Đại diện phần vốn: 1.000.000 cổ phần - tỷ lệ 10% vốn điều lệ
- ❖ **Ông Nguyễn Thanh Bình – Thành viên Hội đồng quản trị**
 - Số lượng cổ phiếu sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
 - Đại diện phần vốn: 0 cổ phần
- ❖ **Ông Nguyễn Chí Quốc - Thành viên Hội đồng quản trị**
 - Số lượng cổ phiếu sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
 - Đại diện phần vốn: 0 cổ phần





BAN KIỂM SOÁT

| Thành viên HĐQT | Chức Vụ |
|----------------------------|------------|
| Ông Trần Văn Thùy | Trưởng Ban |
| Ông Đặng Nguyễn Thanh Liêm | Thành viên |
| Ông Nguyễn Tấn Dũng | Thành viên |

CƠ CẤU BAN KIỂM SOÁT

❖ Ông Trần Văn Thùy – Trưởng Ban kiểm soát

- Số lượng cổ phiếu sở hữu cá nhân: 1.600 cổ phần – Tỷ lệ 0,02%
- Đại diện phần vốn: 1.000.000 cổ phần - tỷ lệ 10% vốn điều lệ

❖ Ông Nguyễn Tấn Dũng – Thành viên Ban kiểm soát

- Số lượng cổ phiếu sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
- Đại diện phần vốn: 200.000 cổ phần – Tỷ lệ 2,00% vốn điều lệ

❖ Ông Đặng Nguyễn Thanh Liêm – Thành viên Ban kiểm soát

- Số lượng cổ phiếu sở hữu cá nhân: 166.600 cổ phần - tỷ lệ 1.67% vốn điều lệ
- Đại diện phần vốn: 0 cổ phần







NHỮNG THAY ĐỔI TRONG BAN ĐIỀU HÀNH

Trong năm 2017 Công ty không có sự thay đổi trong Ban điều hành.



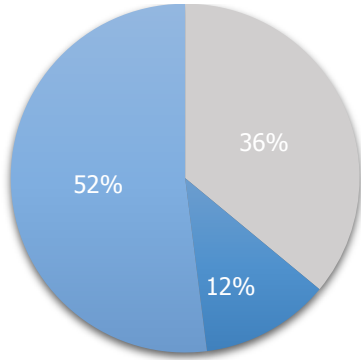
TÌNH HÌNH NHÂN SỰ VÀ CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Tổng số lao động năm 2017 là 84 người

Trong đó:

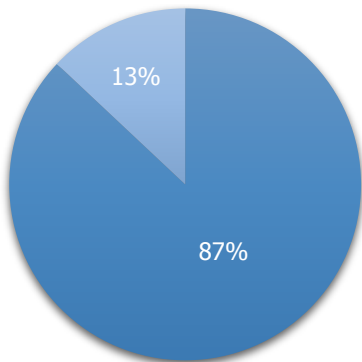
| STT | Tính chất phân loại | Năm 2016 | Năm 2017 | Tỷ trọng 2017 |
|----------|--------------------------------|-----------|-----------|---------------|
| A | Theo trình độ | 85 | 84 | 100% |
| 1 | Trình độ đại học, trên đại học | 29 | 30 | 35,71% |
| 2 | Trình độ cao đẳng, trung cấp | 11 | 10 | 11,90% |
| 3 | Khác | 45 | 44 | 52,38% |
| B | Theo địa bàn công tác | 85 | 84 | 100% |
| 1 | Nhà máy nước Nhơn Trạch | 75 | 73 | 86,90% |
| 2 | Trạm Đại Phước | 10 | 11 | 13,1% |
| C | Theo trình độ lao động | 85 | 84 | 100% |
| 1 | Trình độ chuyên môn nghiệp vụ | 40 | 49 | 58,33% |
| 2 | Trình độ bậc thợ | 45 | 35 | 41,67% |

Theo trình độ



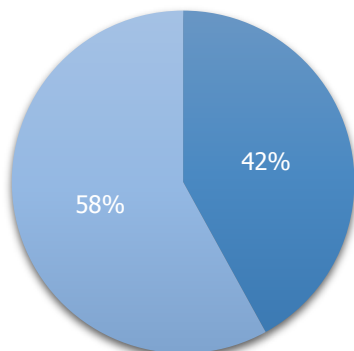
- Đại học, trên đại học
- Cao đẳng, trung cấp
- Khác

Theo địa bàn công tác



- Nhà máy nước Nhơn Trạch
- Trạm Đại Phước

Theo trình độ lao động



- Trình độ chuyên môn nghiệp vụ
- Trình độ bậc thợ





TÌNH HÌNH NHÂN SỰ VÀ CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

THU NHẬP BÌNH QUÂN CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG QUA CÁC NĂM

| STT | Năm | Mức lương bình quân (Đồng/ người /tháng) |
|-----|------|--|
| 1 | 2013 | 7.250.000 |
| 2 | 2014 | 9.950.000 |
| 3 | 2015 | 7.250.000 |
| 4 | 2016 | 9.950.000 |
| 5 | 2017 | 10.500.00 |

Với chủ trương nguồn nhân lực là chìa khóa cốt lõi trong sự thành công của doanh nghiệp, Ban lãnh đạo luôn dành sự quan tâm thích đáng để duy trì và phát triển năng lực của mỗi cá nhân, từ đó tạo dựng sự vững chắc trong việc phát triển của Công ty.

Trong năm 2017, Công ty tạo điều kiện cho nhiều CB.CNV tập huấn nghiệp vụ về luật xây dựng, thuế và luật lao động. Chi trả tiền lương, tiền thưởng, ngày Lễ, Tết cho CB-CNV, trích nộp BHXH, BHYT, BHTN được thực hiện theo đúng quy định. Đời sống người lao động được cải thiện, an tâm công tác.

Điều kiện và chế độ làm việc

Trong công tác triển khai sản xuất và hoạt động hàng ngày của Công ty thì NTW luôn ưu tiên về đảm bảo an toàn lao động. Và để thực hiện tốt nhất những chính sách thì hằng năm công ty đều cho những chuyên gia đánh giá, kiểm tra điều kiện làm việc của nhân viên, đặc biệt là khối sản xuất, thi công nhằm đảm bảo các điều kiện về an toàn và đáp ứng tiêu chuẩn theo quy định. Hiện Công ty đã xây dựng hoàn thành xong trụ sở làm việc mới tạo điều kiện cho CBCNV có điều kiện làm việc, công tác tốt hơn.

Ngoài ra, Công ty cũng tạo điều kiện làm việc tốt nhất cho nhân viên, trang bị đầy đủ các thiết bị, phương tiện làm việc cần thiết, cấp phát đầy đủ đồng phục nhân viên theo quy định. Tổ chức định kỳ khám sức khỏe cho toàn thể Cán bộ Công nhân viên trong Công ty.

Về chế độ làm việc Công ty luôn tuân thủ quy định của pháp luật về lao động như: chế độ làm việc 8 giờ/ngày và chế độ nghỉ ngơi hợp lý. Thời gian nghỉ phép, lễ tết, ốm, thai sản tuân thủ theo đúng quy định của Luật lao động.

Công tác đào tạo

Một công ty tốt khi mỗi cá nhân trong công ty đều phải tốt, nêu nhân sự cũng là nguồn lực quan trọng đối với NTW, họ là yếu tố đóng góp rất lớn trong quá trình sản xuất kinh doanh khi Công ty thực hiện mục tiêu hoạt động đã được Đại hội đồng cổ đông giao phó.

Để nâng cao năng lực cạnh tranh của Công ty, Ban lãnh đạo Công ty luôn tạo cơ hội để các CB.CNV tham gia các lớp đào tạo nghiệp vụ, đào tạo nội bộ và các lớp đào tạo cá nhân nếu có. Ngoài ra, Công ty đã cử nhiều CB.CNV tham gia tập huấn nghiệp vụ về luật xây dựng, thuế và luật lao động để đáp ứng sự thay đổi của các văn bản pháp luật. Với những chính sách như trên, Công ty đã tạo được sự gắn kết lâu dài với các CB.CNV, trong những năm qua hầu như không có sự biến động lớn nào về nhân sự của Công ty.

Chính sách phúc lợi

NTW luôn chú trọng đến nhân sự nên một trong những chính sách mà Công ty đưa ra để thu hút cũng như tạo động lực cho nhân viên làm việc tốt hơn đó là chính sách phúc lợi. Do vậy, Chủ trương về chính sách phúc lợi của Công ty luôn rõ ràng và minh bạch, việc chi trả lương thực hiện theo quy định của quy chế trả lương, thưởng trong nội bộ Công ty. Công ty xây dựng phù hợp với thực trạng của doanh nghiệp, tính cạnh tranh, mức sống chung của khu vực và phù hợp với quy định của Pháp Luật.

Ngoài những quy định về Luật Lao động, Luật bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế và một số quy định khác theo quy định của Pháp luật đều được Công ty thực hiện rất tốt. Bên cạnh đó, hằng năm Công ty đều tổ chức những buổi tham quan và kỳ nghỉ mát cho CBCNV để tạo động lực cho mọi người làm việc tốt hơn.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- ✓ Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- ✓ Tình hình hoạt động đầu tư
- ✓ Tình hình tài chính
- ✓ Cơ cấu cổ đông và thay đổi trong vốn đầu tư của chủ sở hữu





TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SO VỚI KẾ HOẠCH

| Chỉ tiêu | ĐVT | Thực hiện 2016 | Kế hoạch 2017 | Thực hiện 2017 | Tỷ lệ % | |
|-------------------------|----------------|-------------------|------------------|-------------------|---------------|-----------------------|
| | | | | | TH/KH 2017 | TH 2017/TH 2016 |
| Sản lượng nước sản xuất | m ³ | 13.715.300 | 14.685.243 | 15.961.391 | 108,69% | 116,38% |
| Sản lượng ghi thu | m ³ | 12.898.919 | 13.805.708 | 14.927.653 | 108,13% | 115,73% |
| Tỷ lệ thất nước thoát | % | 5,95% | 5,99% | 6,48% | - | - |
| Tổng doanh thu | 1000Đ | 136.358.943 | 139.097.466 | 163.349.830 | 117,44% | 119,79% |
| Lợi nhuận trước thuế | 1000Đ | 23.923.233 | 25.239.010 | 26.532.613 | 105,13% | 110,91% |
| Lợi nhuận sau thuế | 1000Đ | 19.072.186 | 20.191.208 | 21.156.490 | 104,78% | 110,93% |
| Tỷ suất LNST/VĐL | % | 25,43% | 20,19% | 21,16% | - | - |
| Các khoản nộp ngân sách | 1000Đ | 7.993.590 | 8.041.066 | 10.260.980 | 127,61% | 128,37% |
| Tỷ lệ chia cổ tức | % | 15% | 15% | (*) | - | - |

(*) Dự kiến chi trả sau khi có nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2018 thông qua

Có thể thấy năm 2017 lượng nước sản xuất từ Công ty tăng mạnh so với năm trước, đạt gần 16 triệu m³, tương ứng 116% so với năm 2016. Ngoài ra, sản lượng ghi thu của Công ty trong năm 2017 cũng tăng tương đối cao gần 16% so với năm trước và vượt kế hoạch 8%, với lượng nước ghi nhận đạt được sắp sĩ 15 triệu m³. Điều này chứng tỏ rằng việc tăng sản lượng nước sản xuất và tăng sản lượng nước ghi thu là một trong những nguyên nhân dẫn đến sự chuyển biến tích cực của doanh thu Công ty. Bên cạnh đó, sự thay đổi này cũng làm gia tăng giá vốn hàng bán trong năm vừa qua. Theo đó, giá vốn hàng bán của NTW năm 2017 tăng 15,58% so với năm trước từ 102,7 tỷ đồng lên 118,8 tỷ đồng.



Tổng doanh thu của NTW trong năm 2017 tăng 20% với giá trị đạt được là 163,3 tỷ đồng, trong đó ngoài nguyên nhân từ việc tăng doanh thu bán hàng, thì doanh thu tài chính của Công ty trong năm cũng tăng nhẹ, do tiền lãi cho vay với giá trị đạt được trong năm là 2,3 tỷ đồng tăng 61,4% so với năm 2016. Ngoài ra, thu nhập khác năm 2017 của Công ty cũng tăng tương đối cao từ 235,1 triệu đồng lên 4,4 tỷ đồng, nguyên nhân là do Công ty có thu nhập từ việc chuyển nhượng vật tư với giá trị khá lớn.

Cuối năm 2017, lợi nhuận sau thuế của Công ty đạt mức 21,2 tỷ đồng, đạt tương ứng bằng 111% so với năm trước và vượt kế hoạch đặt ra là 20,2 tỷ đồng trong năm 2017, tương ứng 105%. Tuy nhiên, trong năm qua Công ty đã cho phát hành cổ phiếu tăng vốn từ 75 tỷ đồng lên 100 tỷ đồng, dẫn đến tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên cho Vốn điều lệ của Công ty có sự giảm so với năm trước, nhưng vẫn vượt mức kế hoạch đã đặt ra. Năm qua, Công ty cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch cũng đã tiến hành chi trả cổ tức 2016 theo tỷ lệ thực hiện sẽ bằng 15%/cổ phiếu đúng với Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên tổ chức ngày 20/04/2017.



Tình hình sản xuất và tiếp nhận nước

| Các chỉ tiêu | ĐVT | KH 2017 | TH 2017 | TH/KH 2017 (%) | TH 2017/TH 2016(%) |
|--------------------------------|----------------|-------------------|-------------------|----------------|--------------------|
| Sản lượng nước sản xuất | m ³ | 14.685.243 | 15.961.391 | 108,69% | 116,38% |
| - Nước sản xuất Nhơn Trạch | " | 6.056.868 | 6.437.068 | 106,28% | 109,64% |
| - Nước mua qua đồng hồ tổng | " | 8.628.375 | 9.364.416 | 108,53% | 119,38% |
| - Nước qua Hồ Cầu Mới | " | - | 159.907 | - | - |
| Sản lượng nước ghi thu | m ³ | 13.805.708 | 14.927.653 | 108,13% | 115,73% |
| - Nước sản xuất Nhơn Trạch | " | 5.608.752 | 5.870.773 | 104,67% | 108,26% |
| - Nước mua qua đồng hồ tổng | " | 8.196.956 | 8.909.980 | 108,70% | 119,18% |
| - Nước qua Hồ Cầu Mới | " | - | 146.900 | - | - |
| Tỷ lệ nước thất thoát | % | 5,99% | 6,48% | - | - |
| - Nhơn Trạch | " | 7,40% | 8,8% | - | - |
| - Qua đồng hồ tổng | " | 5,00% | 4,85% | - | - |
| - Qua Hồ Cầu Mới | " | - | 8,13% | - | - |

Công tác sản xuất tại Công ty:

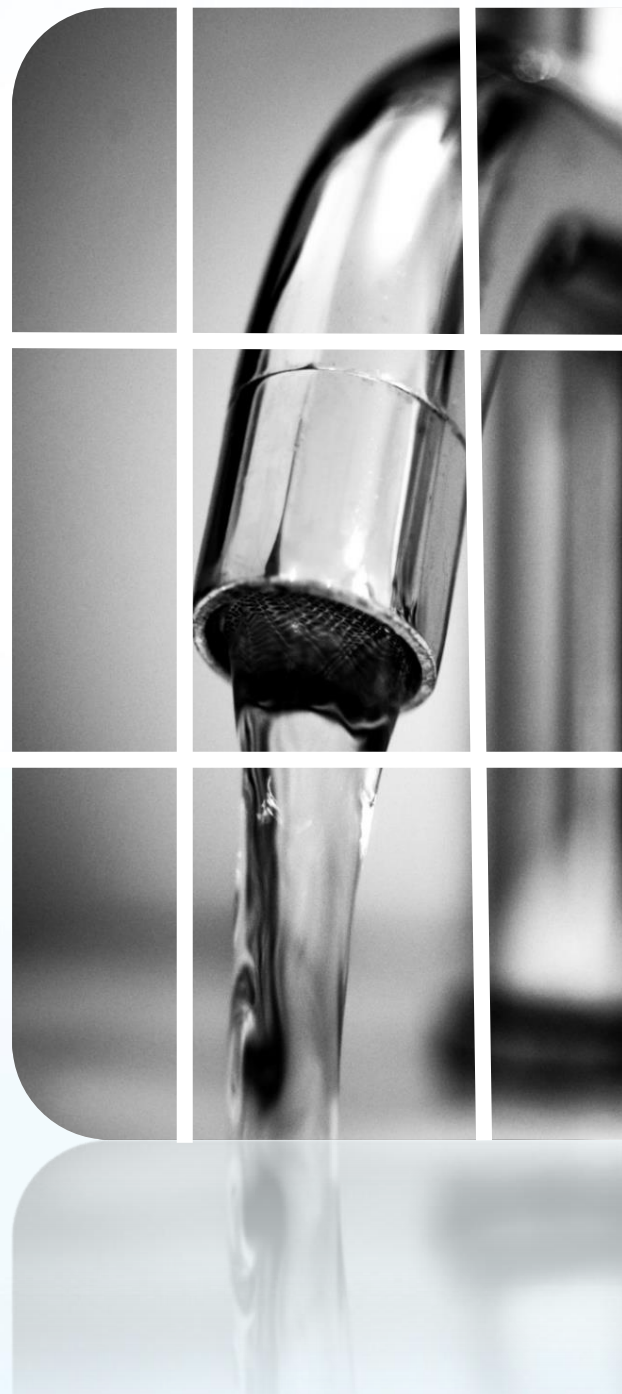
Trong năm 2017 Công ty sản xuất và mua nước của Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai thông qua đồng hồ tổng tại Trạm bơm tăng áp Formosa theo chế độ bơm 1 ngày, nghỉ 5 ngày và mua nước của Công ty Cổ phần Cấp nước Hồ Cầu Mới thông qua đồng hồ tổng D600 từ tháng 11/2017 cung cấp nước an toàn cho sản xuất của khách hàng.



| Đơn vị lấy mẫu | Tổng số mẫu | | Tổng hợp lý hóa | | | Tổng hợp vi sinh | | |
|----------------|-------------|------------|-----------------|-----------|--------------|------------------|-----------|-------------|
| | Nước thô | Nước máy | Mẫu không đạt | Mẫu đạt | % đạt | Mẫu không đạt | Mẫu đạt | % đạt |
| Đại Phước | 0 | 72 | 1 | 35 | 97,2% | 0 | 36 | 100% |
| Nhơn Trạch | 0 | 72 | 1 | 35 | 97,2% | 0 | 36 | 100% |
| Cộng | 0 | 144 | 2 | 70 | 97,2% | 0 | 72 | 100% |

Công tác sửa chữa và bảo trì, bảo dưỡng máy móc thiết bị

Công tác sửa chữa bảo trì và khắc phục sự cố kịp thời đảm bảo yêu cầu kỹ thuật phục vụ tốt cho công tác sản xuất. Trong năm 2017 sửa chữa HTCN & ĐHN 18 khách hàng Cơ quan - Doanh nghiệp; 73 khách hàng hộ dân trên địa bàn; sửa chữa ống bể D200 đường 25B; ống bể D160 đường Hùng Vương, xã Long Thọ; ống bể D160 đường Lý Thái Tổ, xã Phước Thiện; ống bể D225 đường Võ Văn Tần, xì hở tuyến ống D114 ấp Phước Lương; xì hở tuyến ống D110 Bờ bao khu A, xã Phú Hữu; ống bể D160 đường Lý Thái Tổ xã Đại Phước; ống bể D114 đường 5A, KCN Nhơn Trạch 2; thay thế và sửa chữa bơm chìm nước thô số 2, 3; kiểm tra sửa chữa bơm chìm giếng G3, G4 trạm 1A; G9, G11, G12, G13 Trạm 1B; G1, G2 trạm bơm Đại Phước.



Công tác an toàn lao động, VSCN và PCCN

Tuyên truyền vận động CB - CNV thực hiện tốt nội quy an toàn lao động, vệ sinh lao động phòng chống cháy nổ. Trong năm 2017 công tác an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp và phòng chống cháy nổ thực hiện tốt, không có sự cố nào xảy ra.



Công tác phát triển khách hàng

Tổng số thủy lượng kể tính đến 31 tháng 12 năm 2017: 6.965 đồng hồ. Trong năm 2017, lắp đặt đồng hồ nước là 1.805 hộ khách hàng, cụ thể:

| STT | Khu vực | Lắp đặt mới | Sửa chữa di dời | Thay đồng hồ | Bảo hành | Chuyển nhượng |
|------------------|------------------|--------------|-----------------|--------------|------------|---------------|
| 1 | Cơ quan | 11 | 31 | 3 | - | - |
| | Nhơn Trạch | 6 | 31 | 3 | - | - |
| | Đại Phước | 5 | - | - | - | - |
| 2 | Hộ dân cư | 1.794 | 439 | 2 | 179 | 1 |
| | Hiệp Phước | 572 | 30 | 2 | 4 | - |
| | Long Thọ | 567 | 10 | - | - | - |
| | Phước Thiện | 136 | 7 | - | - | 1 |
| | TT Huyện | 3 | - | - | 1 | - |
| | Đại Phước | 132 | 86 | - | 61 | - |
| | Phú Hữu | 384 | 306 | - | 102 | - |
| Tổng cộng | | 1.805 | 470 | 2 | 168 | 1 |

Công tác kiểm tra hệ thống cấp nước và thủy lượng kế khách hàng

Công tác tổ chức kiểm tra HTCN khách hàng, mạng lưới cấp nước truyền tải và phân phối định kỳ mỗi tháng 2 lần, khắc phục và giải quyết các trường hợp đồng hồ hư, chạy không chính xác, nhằm hạn chế tỷ lệ nước thất thoát. Trong năm 2017 đã kiểm tra: 966 khách hàng là các Doanh nghiệp tại các KCN, 45 khách hàng hộ dân cư trên địa bàn.





TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ

Triển khai thực hiện tiếp các dự án đầu tư xây dựng cơ bản, được Đại Hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị thông qua:

Các công trình đã hoàn thành, đưa vào sử dụng

- ✓ Công trình Tuyến ống cấp nước hẻm Ông Lâm Triều: Nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng ngày 03/01/2017.
- ✓ Công trình Tuyến ống cấp nước hẻm Ông Tài: Nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng ngày 05/01/2017.
- ✓ Công trình Sửa chữa đài nước trạm bơm Đại Phước: Nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng ngày 25/01/2017.
- ✓ Công trình Lắp đặt tuyến ống cấp nước đường hẻm Ông Hai Ở: Nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng ngày 08/08/2017.
- ✓ Công trình Tuyến ống cấp nước đường Ông Tám Đáng: Nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng ngày 09/08/2017.
- ✓ Công trình Tuyến ống cấp nước đường hẻm Ông Năm Đục Đen: Nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng ngày 09/08/2017.
- ✓ Công trình Tuyến ống cấp nước đường hẻm Tổ 17, khu 4: Nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng ngày 10/08/2017.
- ✓ Công trình Tuyến ống cấp nước đường Dương Văn Thì nối liên ấp: Nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng ngày 10/08/2017.
- ✓ Công trình Lắp đặt tuyến ống cấp nước đường hẻm Ông Năm Ron: Nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng ngày 10/08/2017.
- ✓ Công trình Lắp đặt tuyến ống cấp nước đường hẻm Tổ 1B, Ấp Phú Mỹ 2: Nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng ngày 11/08/2017.
- ✓ Công trình Lắp đặt tuyến ống cấp nước đường hẻm Liên Xã: Nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng ngày 11/08/2017.
- ✓ Công trình Lắp đặt tuyến ống cấp nước đường hẻm Ông Thợ Mười: Nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng ngày 14/08/2017.
- ✓ Công trình Lắp đặt tuyến ống cấp nước đường hẻm Mười Thêm: Nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng ngày 14/08/2017.
- ✓ Công trình Lắp đặt tuyến ống cấp nước đường hẻm Ông Tất: Nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng ngày 14/08/2017.
- ✓ Công trình Lắp đặt tuyến ống cấp nước đường hẻm Ông Hai Hồ: Nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng ngày 15/08/2017.
- ✓ Công trình Lắp đặt tuyến ống cấp nước đường hẻm Ông Chính: Nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng ngày 18/08/2017.

- ✓ Công trình Lắp đặt tuyến ống cấp nước đường hẻm Ông Lợi: Nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng ngày 18/08/2017.
- ✓ Công trình Lắp đặt tuyến ống cấp nước đường hẻm Lương Hà: Nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng ngày 21/08/2017.
- ✓ Công trình Lắp đặt tuyến ống cấp nước đường hẻm Ông Đức: Nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng ngày 21/08/2017.
- ✓ Công trình Lắp đặt tuyến ống cấp nước đường hẻm Ông Chúc: Nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng ngày 22/08/2017.
- ✓ Công trình Lắp đặt tuyến ống cấp nước đường hẻm Tổ 9, Ấp Phú Mỹ 2: Nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng ngày 22/08/2017.
- ✓ Công trình Lắp đặt tuyến ống cấp nước đường hẻm Út Phệt: Nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng ngày 23/08/2017.
- ✓ Công trình Lắp đặt tuyến ống cấp nước đường hẻm Ông Lại: Nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng ngày 23/08/2017.
- ✓ Công trình Lắp đặt tuyến ống cấp nước đường hẻm Tổ 6, Ấp Phú Mỹ 2: Nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng ngày 23/08/2017.
- ✓ Công trình Tuyến ống cấp nước hẻm bà Gái Mập: Nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng ngày 24/08/2017.
- ✓ Công trình Lắp đặt tuyến ống cấp nước đường hẻm Ông Chánh: Nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng ngày 30/08/2017.
- ✓ Công trình Lắp đặt tuyến ống cấp nước đường hẻm Ông Bảy Tiều: Nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng ngày 30/08/2017.
- ✓ Công trình Lắp đặt tuyến ống cấp nước đường hẻm Ông Phong: Nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng ngày 30/08/2017.
- ✓ Công trình Lắp đặt tuyến ống cấp nước đường hẻm Ông Bực: Nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng ngày 07/09/2017.
- ✓ Công trình Lắp đặt tuyến ống cấp nước đường hẻm Bà Bền: Nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng ngày 11/09/2017.
- ✓ Công trình Lắp đặt tuyến ống cấp nước đường hẻm Trụ Sở Ấp 5: Nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng ngày 11/09/2017.
- ✓ Công trình Lắp đặt tuyến ống cấp nước đường hẻm Ông Lương Tỷ: Nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng ngày 14/09/2017.
- ✓ Công trình Lắp đặt tuyến ống cấp nước đường hẻm Ba Trêu: Nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng ngày 14/09/2017.
- ✓ Công trình Lắp đặt tuyến ống cấp nước đường hẻm Ông Bảy Giáo: Nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng ngày 18/09/2017.

- ✓ Công trình Lắp đặt tuyến ống cấp nước đường hẻm Ông Ba Nổi 1: Nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng ngày 25/09/2017.
- ✓ Công trình Lắp đặt tuyến ống cấp nước đường hẻm Cây Xăng: Nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng ngày 25/09/2017.
- ✓ Đưa vào sử dụng công trình: Tuyến ống Cấp nước HDPE D160 đường DT 769 xã Phước Thiện: Nghiệm thu hoàn thành ngày 27/09/2017.
- ✓ Công trình Lắp đặt tuyến ống cấp nước đường hẻm Bà Đạng: Nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng ngày 28/09/2017.
- ✓ Công trình Lắp đặt tuyến ống cấp nước đường hẻm Vườn Xoài 3: Nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng ngày 03/10/2017.
- ✓ Công trình Lắp đặt tuyến ống cấp nước đường hẻm Ông Cảm: Nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng ngày 03/10/2017.
- ✓ Công trình Lắp đặt tuyến ống cấp nước đường hẻm Vườn Dừa: Nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng ngày 03/10/2017.
- ✓ Công trình Lắp đặt tuyến ống cấp nước đường hẻm Ông Bảy Hoàng: Nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng ngày 03/10/2017.
- ✓ Công trình Xây dựng tuyến ống cấp nước D160 đường Hùng Vương: Nghiệm thu hoàn thành ngày 17/11/2017.
- ✓ Công trình Lắp đặt tuyến ống cấp nước đường hẻm Sân Banh: Nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng ngày 20/11/2017.
- ✓ Công trình Lắp đặt tuyến ống cấp nước đường hẻm Tổ 11 – Tổ 12, Ấp Phú Mỹ 2: Nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng ngày 20/11/2017.
- ✓ Công trình Lắp đặt tuyến ống cấp nước đường hẻm Tổ 3 – Tổ 4, Ấp Phú Mỹ 2: Nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng ngày 24/11/2017.
- ✓ Công trình Lắp đặt tuyến ống cấp nước đường hẻm Đường Đình: Nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng ngày 28/11/2017.
- ✓ Công trình Lắp đặt tuyến ống cấp nước đường hẻm Đường Giữa: Nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng ngày 28/11/2017.
- ✓ Công trình Lắp đặt tuyến ống cấp nước đường hẻm Bà Ba Liên: Nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng ngày 28/11/2017.
- ✓ Công trình Lắp đặt tuyến ống cấp nước đường hẻm Mười Hiển: Nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng ngày 13/12/2017.
- ✓ Công trình Lắp đặt tuyến ống cấp nước đường hẻm Hai Nhiêu: Nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng ngày 13/12/2017.

Các công trình đang lập dự án đầu tư

- ✓ Công trình Nâng cấp, mở rộng nhà máy xử lý nước Đại Phước công suất 5.000m³/ngày.đêm: HĐQT có Nghị quyết thống nhất chủ trương xây dựng Công trình, đang chỉnh sửa hồ sơ thiết kế theo yêu cầu của tư vấn.
- ✓ Công trình Xây dựng tuyến ống cấp nước D400 đường Nguyễn Văn Cừ: Trình Sở Xây dựng thẩm định thiết kế cơ sở.
- ✓ Công trình Xây dựng hàng rào trạm bơm tăng áp Phú Hữu: Đang tạm ngưng thi công do hộ bà Huỳnh Thị Tảo cản chở không cho thi công.
- ✓ Công trình Xây dựng hệ thống Cấp nước thô Công suất 2.500m³/ngày cho nhà máy xử lý nước Đại Phước: Tư vấn đang thẩm định báo cáo kết quả đánh giá hồ sơ dự thầu.





TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

ĐVT : đồng

| Chỉ tiêu | Thực hiện 2016 | Thực hiện 2017 | % tăng giảm |
|----------------------|-----------------|-----------------|-------------|
| Tổng tài sản | 202.317.563.630 | 203.857.224.942 | 0,76% |
| Doanh thu thuần | 131.292.564.297 | 153.915.703.517 | 17,23% |
| Giá vốn hàng bán | 102.742.612.387 | 118.752.922.000 | 15,58% |
| Lợi nhuận từ HĐKD | 23.939.932.374 | 26.351.635.487 | 10,07% |
| Thu nhập khác | 235.149.107 | 4.423.261.190 | 1781,05% |
| Lợi nhuận trước thuế | 23.923.233.022 | 26.532.612.804 | 10,91% |
| Lợi nhuận sau thuế | 19.072.186.418 | 21.156.490.243 | 10,93% |

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

| Các chỉ tiêu | ĐVT | Năm 2016 | Năm 2017 |
|---|------|----------|----------|
| Chỉ tiêu về khả năng thanh toán | | | |
| Hệ số thanh toán ngắn hạn | Lần | 6,03 | 6,55 |
| Hệ số thanh toán nhanh | Lần | 5,71 | 6,19 |
| Chỉ tiêu về cơ cấu vốn | | | |
| Hệ số Nợ/Tổng tài sản | % | 11,59% | 9,99% |
| Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu | % | 13,11% | 11,10% |
| Chỉ tiêu về năng lực hoạt động | | | |
| Vòng quay hàng tồn kho | Vòng | 12,86 | 15,96 |
| Vòng quay tài sản | Vòng | 0,65 | 0,76 |
| Chỉ tiêu về khả năng sinh lời | | | |
| Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần | % | 14,53% | 13,75% |
| Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu | % | 10,71% | 11,68% |
| Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản | % | 9,43% | 10,42% |
| Hệ số Lợi nhuận từ HĐKD/ Doanh thu thuần | % | 18,23% | 17,12% |

Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

Các chỉ tiêu khả năng thanh toán của Công ty đều tăng so với năm trước. Trong đó, hệ số thanh toán ngắn hạn tăng 0,53 lần và hệ số thanh toán nhanh tăng 0,48 lần so với năm 2016. Nguyên nhân là do Công ty đã giảm đi khoản phải trả cho Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai phát sinh từ hoạt động tiếp nhận nước qua đồng hồ tổng. Cụ thể khoản này đã giảm 47,99% từ 6,6 tỷ đồng xuống còn 3,4 tỷ đồng. Bên cạnh đó việc tăng chi Quỹ khen thưởng phúc lợi cho CBCNV, xã hội và cộng đồng cũng góp phần đáng kể làm cho nợ ngắn hạn của NTW giảm mạnh so với năm trước tương ứng 13,18%. Trong kỳ Công ty đã thu về thành công khoản tiền vay từ Công ty Cổ phần Dịch vụ & Xây dựng Cấp Nước Đồng Nai cộng với việc tăng việc sử dụng nguyên liệu, vật liệu đã là cho tài sản ngắn hạn và hàng tồn kho của Công ty cũng có sự sụt giảm nhưng không đáng kể, lần lượt giảm tương ứng 5,58% và 2,08%.

Cơ cấu vốn của Công ty

So với năm trước, kết thúc năm 2017 các chỉ số này có xu hướng giảm điều này được giải thích do NTW vẫn tiếp tục không sử dụng nợ vay dài hạn và nợ ngắn hạn của Công ty cũng sụt giảm so với năm 2016 nên làm cho khoản nợ phải trả của Công ty giảm tương ứng 13,18%, từ 23,5 tỷ đồng xuống còn 20,4 tỷ đồng. Tổng tài sản tăng nhẹ 0,78%, từ 202,3 tỷ đồng lên 203,9 tỷ đồng, trong đó sự thay đổi này xuất phát từ những biến động của tài sản dài hạn bởi năm qua Công ty đã hoàn thành đầu tư xây dựng cơ bản các tài sản cố định hữu hình. Riêng đối với vốn chủ sở hữu việc phát hành thành công thêm 2,5 triệu cổ phiếu phổ thông đã nâng vốn điều lệ Công ty từ 75 tỷ đồng lên 100 tỷ đồng, bên cạnh đó NTW trong năm cũng đã sử dụng một phần quỹ đầu tư phát triển đây chính là những yếu tố chính đã góp phần làm vốn chủ sở hữu năm 2017 tăng tương đối cao 2,59% so với năm trước từ 178,9 tỷ đồng lên 183,5 tỷ đồng.

Năng lực hoạt động

Vòng quay hàng tồn kho năm 2017 tiếp tục có sự gia tăng, nhờ đó có thể thấy được công tác quản trị hàng tồn kho của Công ty đang diễn ra tốt. Trong năm, giá vốn hàng bán đã gia tăng đáng kể 15,58%, từ 102,7 tỷ đồng lên 118,8 tỷ đồng, bên cạnh đó hàng tồn kho lại có sự sụt giảm, đây chính là nguyên nhân chủ yếu làm vòng quay hàng tồn kho tăng đến 3,11 vòng (từ 12,86 vòng lên 15,96 vòng). Vòng quay tổng tài sản cũng có sự thay đổi đáng kể khi tăng nhẹ 0,11 vòng (từ 0,65 vòng lên 0,76 vòng) cho thấy được hiệu quả sử dụng tài sản của Công ty trong năm có sự chuyển biến tích cực theo đó doanh thu thuần và tổng tài sản đều có sự tăng trưởng.

Khả năng sinh lời

Các chỉ số khả năng sinh lời năm 2017 của Công ty có sự thay đổi so với năm trước, trong đó hệ số của lợi nhuận sau thuế và lợi nhuận từ HĐKD/ Doanh thu thuần và có sự sụt giảm nhẹ, nguyên nhân dẫn đến kết quả này do doanh thu thuần của NTW có sự tăng mạnh so với năm 2016, tăng 17,23% (từ 131,3 tỷ đồng lên 153,9 tỷ đồng), trong khi đó lợi nhuận sau thuế và lợi nhuận từ HĐKD của Công ty có gia tăng nhưng không cao so với mức tăng trưởng doanh thu thuần, cụ thể các khoản mục này chỉ tăng tương ứng với mức 10,03% và 10,07% so với năm trước. Sự thay đổi của vốn chủ sở hữu và tổng tài sản trong năm như đã phân tích với tốc độ gia tăng nhỏ hơn mức tăng trưởng của lợi nhuận sau thuế lại làm chỉ tiêu sinh lời so với các yếu tố này có sự chuyển biến tích cực.



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG VÀ THAY ĐỔI TRONG VỐN ĐẦU TƯ CHỦ SỞ HỮU

CỔ PHẦN CÔNG TY

Cổ phần phổ thông: 10.000.000 cổ phần

Cổ phần ưu đãi: 0 cổ phần

Số lượng cổ phần đang lưu hành: 10.000.000 cổ phần

Cổ phiếu quỹ: 0 cổ phần

Mệnh giá: 10.000 VNĐ

Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phần

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG NĂM 2017

| STT | Loại Cổ đông | Số lượng | Số CP sở hữu | Tỷ lệ (%) |
|-----|---------------------------|------------|-------------------|----------------|
| 1 | Nhà nước | - | - | 0% |
| 2 | Cổ đông trong nước | 224 | 8.510.818 | 85,108% |
| | Tổ chức | 08 | 5.920.045 | 59,208% |
| | Cá nhân | 216 | 2.590.045 | 25,900% |
| 3 | Cổ đông nước ngoài | 14 | 1.489182 | 14,892% |
| | Tổ chức | 01 | 1.434.585 | 14,346% |
| | Cá nhân | 13 | 54.597 | 0,546% |
| | Tổng cộng | 238 | 10.000.000 | 100% |

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN

| STT | Tên Cổ đông lớn | Số lượng cổ phần đang nắm giữ | Tỷ lệ |
|------------------|-----------------------------------|-------------------------------|----------------|
| 1 | Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai | 5.243.736 | 52,437% |
| 2 | America LLC | 1.434.585 | 14,346% |
| Tổng cộng | | 6.678.321 | 66,783% |

Tình hình thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu

Thực hiện nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2017/NQ-ĐHĐCĐ-NTW ngày 20/04/2017, Hội đồng quản trị, Ban điều hành Công ty đã triển khai việc phát hành tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu. Theo đó Công ty đã phát hành thành công thêm 25.000.000 cổ phiếu phổ thông trong năm 2017, nâng số vốn điều lệ của NTW từ 75 tỷ đồng lên 100 tỷ đồng.

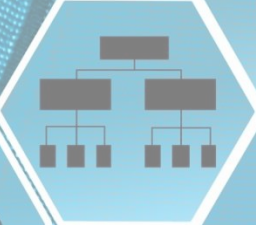
Công ty không có giao dịch cổ phiếu quỹ và các chứng khoán khác



BÁO CÁO BAN GIÁM ĐỐC

- ✓ **Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh**
- ✓ **Tình hình tài chính**
- ✓ **Những cải tiến về cơ cấu tổ chức và chính sách quản lý**
- ✓ **Kế hoạch phát triển trong tương lai**
- ✓ **Giải trình của Ban Giám đốc với ý kiến kiểm toán**







ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Trong năm 2017, với nguồn nước ngầm tại chỗ và nguồn nước mua từ Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai, Công ty đã đảm bảo cung cấp nước ổn định phục vụ sản xuất, sinh hoạt cho các khu dân cư và khu công nghiệp trên địa bàn huyện Nhơn Trạch, qua đó cho thấy công ty đã thực hiện rất tốt nhiệm vụ đặt ra. Về chất lượng, nguồn nước của công ty được kiểm tra định kỳ, các mẫu nước đều đạt tiêu chuẩn theo quy định của Bộ y tế. Công tác đầu tư XDCB được triển khai theo kế hoạch và quy định. Năm qua tình hình phát triển khách hàng đạt được nhiều kết quả tích cực, số thủy lượng kế được lắp mới tại khu dân cư Hiệp Phước, Phước Thiện, Long Thọ, Phú Hội, Đại Phước, Phú Hữu và Phú Đông huyện Nhơn Trạch đạt mức 1.805 đồng hồ, tăng mạnh đến 43,82% so với cùng kỳ năm trước. Ngoài ra các công tác về nhân sự, hoạt động đoàn thể đều được đảm bảo thực thi đúng quy định của Pháp luật và chính sách của Công ty, thu nhập của người lao động được cải thiện trong năm.

Tình hình kinh doanh năm 2017

ĐVT: nghìn đồng

| Chỉ tiêu | TH 2016 | KH 2017 | TH 2017 | TH/KH 2017 (%) | TH 2017/TH 2016 (%) |
|----------------------|-------------|-------------|-------------|----------------|---------------------|
| Tổng doanh thu | 136.358.943 | 139.097.466 | 163.349.830 | 117,44% | 119,79% |
| Lợi nhuận trước thuế | 23.923.233 | 25.239.010 | 26.532.613 | 105,13% | 110,91% |
| Lợi nhuận sau thuế | 19.072.186 | 20.191.208 | 21.156.490 | 104,78% | 110,93% |

Tổng doanh thu năm qua đạt 163,3 tỷ đồng đạt 120% so với năm 2016 và vượt gần 18% so với kế hoạch đề ra. Tổng kết cả năm lợi nhuận trước thuế của Công ty đạt 26,5 tỷ đồng vượt hơn 5% so với kỳ vọng và đạt 111% so với 2016. Sau khi thực hiện nghĩa vụ thuế, Công ty ghi nhận lợi nhuận còn lại đạt 21,2 tỷ đồng, vượt kế hoạch 5%. Qua đó cho thấy trong năm 2017, Công ty đã hoạt động hiệu quả với lợi nhuận trước thuế và lợi nhuận sau thuế đều tăng tương đối cao so với năm trước và đã vượt kế hoạch mà Ban điều hành của Công ty đặt ra. Trong đó, ngoài việc kinh doanh có hiệu quả làm tăng doanh thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ thì trong năm qua Công ty có khoản thu nhập khác tăng rất cao từ 235,1 triệu đồng năm 2016 lên 4,4 tỷ đồng năm 2017 đây chủ yếu là thu nhập từ việc chuyển nhượng vật tư.

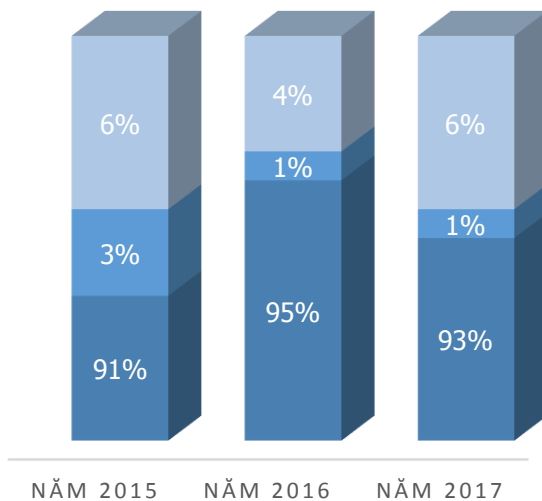
Về cơ cấu doanh thu, trong 3 năm qua, doanh thu từ sản xuất nước của Công ty luôn giữ tỷ trọng ưu thế trong tổng doanh thu. Hoạt động này mang lại 92,63% doanh thu của cả công ty trong năm qua, xây lắp chỉ chiếm 1,61% và 5,76% còn lại từ doanh thu khác – chủ yếu từ việc ghi nhận lãi cho vay tăng 85,9%, còn tiền lãi gửi ngân hàng thì giảm 21,61% (từ 3,4 tỷ đồng xuống còn 2,6 tỷ đồng). Cơ cấu doanh thu cho thấy công ty luôn tập trung vào hoạt động sản xuất kinh doanh chính đã định hướng ngay từ những ngày đầu thành lập.

| Khoản mục | Năm 2015 | | Năm 2016 | | Năm 2017 | |
|-----------------------|------------------------|--------------|------------------------|--------------|------------------------|--------------|
| | Giá trị | Tỷ trọng (%) | Giá trị | Tỷ trọng (%) | Giá trị | Tỷ trọng (%) |
| Sản xuất nước | 118.189.700.117 | 90,50% | 129.162.737.400 | 94,72% | 151.288.073.500 | 92,63% |
| Xây lắp | 4.509.695.860 | 3,45% | 2.143.118.122 | 1,57% | 2.627.630.017 | 1,60% |
| Doanh thu khác | 7.896.485.301 | 6,05% | 5.053.087.594 | 3,71% | 9.405.934.187 | 5,76% |
| Tổng Doanh thu | 130.595.881.278 | 100% | 136.358.943.116 | 100% | 163.321.637.704 | 100% |

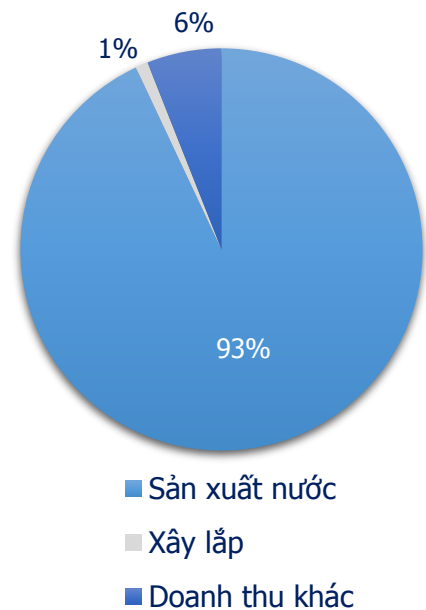
Có thể thấy rằng, năm 2017 Công ty đã hoạt động rất hiệu quả với những định hướng phát triển đúng đắn.

CƠ CẤU DOANH THU QUA CÁC NĂM

■ Sản xuất nước ■ Xây lắp ■ Doanh thu khác



CƠ CẤU DOANH THU NĂM 2017





TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

DVT: đồng

| Chỉ tiêu | Năm 2016 | Năm 2017 | Tỷ lệ 2017/2016 |
|------------------|------------------------|------------------------|-----------------|
| Tài sản | 202.317.563.630 | 203.857.224.942 | 100,76% |
| Tài sản ngắn hạn | 141.310.137.336 | 133.418.928.141 | 94,42% |
| Tài sản dài hạn | 61.007.426.294 | 70.438.296.801 | 115,46% |
| Nguồn vốn | 202.317.563.630 | 203.857.224.942 | 100,76% |
| Nợ ngắn hạn | 23.450.305.031 | 20.359.251.013 | 86,82% |
| Nợ dài hạn | - | - | - |
| Vốn chủ sở hữu | 178.867.258.599 | 183.497.973.929 | 102,59% |

TÀI SẢN

Tình hình tài chính trong năm 2017 của NTW cho thấy, trong hơn 203,9 tỷ đồng của Tổng tài sản công ty, thì tài sản ngắn hạn chiếm tỷ trọng lớn với 65,45% và 34,55% còn lại là tài sản dài hạn. Tuy nhiên so với năm 2016, tài sản ngắn hạn chỉ bằng 94,42% nguyên nhân dẫn đến kết quả này là do lượng tiền của NTW trong năm sụt giảm so với năm trước dùng phục vụ hoạt động kinh doanh. Ngoài ra với việc giảm đi khoản phải thu từ cho vay trong năm làm các khoản phải thu ngắn hạn có sự thay đổi đáng kể cũng là một trong những yếu tố tạo nên sự biến động về tài sản ngắn hạn như đã đề cập. Tài sản dài hạn tăng 15,46%, chủ yếu do mua thêm các thiết bị dụng cụ quản lý và hoàn thành các đầu tư xây dựng cơ bản là gia tăng đáng kể tài sản cố định hữu hình.



NGUỒN VỐN

Trong năm 2017, Công ty vẫn tiếp tục duy trì cơ cấu vốn chỉ bao gồm nợ ngắn hạn, khoản mục này có sự sụt giảm chỉ bằng 86,82% so với năm trước đạt mức 20,4 tỷ đồng. Nguyên nhân chủ yếu là do phải trả người bán trong năm nổi bật nhất là khoản phải trả cho Công ty cổ phần Cấp nước Đồng Nai giảm đến 47,99% so với năm trước. Đồng thời việc tăng chi Quỹ khen thưởng phúc lợi cho CBCNV, xã hội, cộng đồng cũng là nguyên nhân góp phần tạo nên sự thay đổi trên đối với nợ ngắn hạn. Vốn chủ sở hữu thay đổi không đáng kể, nổi bật trong năm qua là việc phát hành thành công thêm 2,5 triệu cổ phiếu phổ thông Công ty đã nâng mức vốn điều lệ của mình từ 75 tỷ lên 100 tỷ đồng.

Nhìn chung, tình hình tài chính của Công ty vẫn đang ổn định, năm 2017 tổng tài sản và nguồn vốn tăng nhẹ so với năm trước. Công ty vẫn duy trì tỷ trọng tài sản thiên về ngắn hạn, tài sản dài hạn tăng trưởng nhẹ trong năm phù hợp với tiến độ của các hoạt động đầu tư, xây dựng cơ bản của Công ty trong năm.



NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ

Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch luôn cố gắng cập nhật các quy định pháp luật mới điều chỉnh hoạt động của mình nhằm đề ra các kế hoạch cải tiến cụ thể về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý qua đó cho thấy được tuân thủ nghiêm túc vừa đáp ứng được yêu cầu của các văn bản pháp luật hiện hành vừa hoàn thành tốt các nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty.



KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Các biện pháp cụ thể thực hiện kế hoạch:

- ✓ Tiếp tục phổ biến, vận động và tuyên truyền CB.CNV thực hiện tốt các qui định qui chế làm việc của Công ty, các chủ trương chính sách của Đảng, Pháp luật nhà nước.
- ✓ Phối hợp với Ban quản lý KCN, Công an khu công nghiệp Nhơn Trạch bảo vệ an ninh trật tự tại khu vực sản xuất - kinh doanh; Phối hợp với UBND huyện Nhơn Trạch, UBND các xã phát triển các mạng lưới cấp nước cho các khu dân cư xã Hiệp Phước, Phước Thiên, Long Thọ, Phú Hội, Phước An.
- ✓ Tập trung cấp nước ổn định cho sản xuất và sinh hoạt của các Doanh nghiệp và các khu dân cư trên địa bàn. Tiếp tục tăng cường công tác kiểm tra bảo trì, sửa chữa, hệ thống cấp nước và đồng hồ nước khách hàng hạn chế tỷ lệ thất thoát. Bảo dưỡng máy móc thiết bị thường kỳ, khắc phục kịp thời các sự cố kỹ thuật đảm bảo sản xuất an toàn.
- ✓ Tăng cường công tác kiểm tra, nâng cao chất lượng dịch vụ phục vụ khách hàng, nâng cao mức độ hài lòng của người dân.



Triển khai thực hiện hoàn thành các dự án đầu tư xây dựng cơ bản, được Hội đồng Quản trị, cổ đông thông qua:

- ❖ Công trình Nâng cấp, mở rộng trạm bơm cấp nước Đại Phước công suất 5.000m³/ngày.đêm: Thẩm tra, thẩm định, phê duyệt hồ sơ và đấu thầu thi công theo quy định trong quý I, II năm 2018.
- ❖ Công trình Xây dựng hệ thống Cấp nước thô Công suất 2.500m³/ngày cho nhà máy xử lý nước Đại Phước: Triển khai thi công nghiệm thu hoàn thành trong quý I năm 2018.
- ❖ Công trình Xây dựng tuyến ống cấp nước D400 đường Nguyễn Văn Cừ: Thẩm tra, thẩm định, phê duyệt hồ sơ và đấu thầu thi công theo quy định trong quý I, II năm 2018.
- ❖ Công trình Xây dựng hàng rào trạm bơm tăng áp Phú Hữu: Làm việc với cơ quan chức năng giải quyết tranh chấp đất đai với hộ bà Huỳnh Thị Tảo để triển khai thi công công trình hoàn thành trong quý I năm 2018.
- ❖ Tiếp tục đầu tư mở rộng các mạng lưới cấp nước các hẻm trên địa bàn các xã Hiệp Phước, Phước Thiện, Long Thọ, Phú Hội, Phước An, Đại Phước huyện Nhơn Trạch bằng nguồn vốn của Công ty, vốn khách hàng.



**GIẢI TRÌNH CỦA BAN GIÁM ĐỐC VỚI
Ý KIẾN KIỂM TOÁN**

Theo báo cáo tài chính kiểm toán năm 2017, đơn vị kiểm toán độc lập là Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính năm 2017 của CTCP Cấp nước Nhơn Trạch, vì vậy Ban Giám đốc không có ý kiến giải trình thêm.



BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- ✓ **Đánh giá các mặt hoạt động của công ty**
- ✓ **Đánh giá hoạt động của Ban Giám đốc**
- ✓ **Kế hoạch và định hướng của Hội đồng quản trị**



ĐÁNH GIÁ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

| Chỉ tiêu | ĐVT | Kế hoạch 2017 | Thực hiện 2017 | Tỷ lệ % | |
|-------------------------|----------------|------------------|-------------------|---------------|-----------------------|
| | | | | TH/KH 2017 | TH 2017/TH 2016 |
| Sản lượng nước sản xuất | m ³ | 14.685.243 | 15.961.391 | 108,69% | 116,38% |
| Sản lượng ghi thu | m ³ | 13.805.708 | 14.927.653 | 108,13% | 115,73% |
| Tỷ lệ thất thoát nước | % | 5,99% | 6,48% | - | - |
| Tổng doanh thu | 1000Đ | 139.097.466 | 163.349.830 | 117,44% | 119,79% |
| Lợi nhuận trước thuế | 1000Đ | 25.239.010 | 26.532.613 | 105,13% | 110,91% |
| Lợi nhuận sau thuế | 1000Đ | 20.191.208 | 21.156.490 | 104,78% | 110,93% |
| Tỷ suất LNST/VĐL | % | 20,19% | 21,16% | - | - |
| Các khoản nộp ngân sách | 1000Đ | 8.041.066 | 10.260.980 | 127,61% | 128,37% |
| Tỷ lệ chia cổ tức | % | 15% | (*) | - | - |

(*) Dự kiến chi trả sau khi có nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2018 thông qua

Năm qua lợi nhuận sau thuế của Công ty tăng trưởng gần 11% so với năm 2016 cho thấy được hiệu quả hoạt động của NTW vẫn duy trì được trạng thái tích cực hoàn thành tốt các kế hoạch được Đại hội giao phó. Chi phí giá vốn sản xuất nước tăng trong năm cũng ảnh hưởng đến lợi nhuận của Công ty chủ yếu do sản lượng nước sản xuất và ghi thu đều có sự gia tăng đáng kể. Vấn đề thất thoát nước tiếp tục được kiểm soát liên tục trong năm qua, tuy nhiên tỷ lệ thất thoát đã có sự tăng nhẹ so với năm trước.

Hội đồng quản trị cùng với Ban điều hành luôn thực hiện hoạt động giám sát theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, Quy chế Quản trị Công ty và các quy định hiện hành.

Cùng với Ban Giám đốc, Hội đồng quản trị đã tập trung khắc phục những khó khăn, hạn chế đảm bảo chất lượng nguồn nước phục vụ cho sản xuất và sinh hoạt đến các khu công nghiệp, khu dân cư trên địa bàn huyện Long Thành và Nhơn Trạch. Các khoản doanh thu và chi phí trong quá trình hoạt động đều rõ ràng, minh bạch. Việc chăm lo cho người lao động cũng được Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch thực hiện tốt góp phần giữ vững tiến độ và hoàn thành tốt kế hoạch đã đề ra trong năm hoạch trong năm 2017.



Ngoài ra, Hội đồng Quản trị đã thường xuyên giám sát ban điều hành Công ty thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT. Liên tục đánh giá, dự báo, phân tích tình hình sản xuất kinh doanh để HĐQT có biện pháp chỉ đạo kịp thời xử lý những vướng mắc phát sinh thuộc thẩm quyền của HĐQT theo đúng quy định và Điều lệ. Đảm bảo cho hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả, cung cấp nước ổn định cho sản xuất, sinh hoạt của khách hàng. Hoạt động Công Bố thông tin được thực hiện đầy đủ đến Ủy Ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo quy định.



ĐÁNH GIÁ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Với những thay đổi có ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm vừa qua, Ban Giám đốc đã rất nỗ lực phối hợp thực hiện chắc chắn, hiệu quả thực hiện các giải pháp ứng phó nhằm đảm bảo mọi hoạt động của NTW được diễn ra thuận lợi, đáp ứng được kỳ vọng của cổ đông theo kế hoạch đề ra. Kết quả cho thấy Công ty luôn duy trì, đảm bảo cung cấp nước ổn định cho sản xuất, sinh hoạt cho các khu dân cư, KCN trên địa bàn hoạt động. Các thành viên trong Ban giám đốc tiếp tục có được một năm làm việc hiệu quả, thành công và mong rằng kết quả này sẽ được duy trì trong những năm tiếp theo.



CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Xem xét kế hoạch và phương hướng hoạt động năm 2018 mà Ban Giám đốc trình bày, Hội đồng Quản trị nhất trí với các chỉ tiêu kế hoạch cho năm tài chính tiếp theo. Để có được kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018 tốt hơn, Hội đồng quản trị Công ty sẽ tiếp tục:

- ✓ Luôn duy trì các cuộc họp định kỳ của HĐQT theo quy định của Điều lệ công ty, nâng cao chất lượng các cuộc họp, xây dựng chiến lược phát triển của công ty phù hợp với tình hình thực tế của công ty, tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và khu vực.
- ✓ Để đảm bảo và thu hút được nhiều khách hàng tiềm năng hơn thì NTW đã tăng cường cải thiện chất lượng dịch vụ, phục vụ, ứng dụng các phần mềm quản lý nhằm nâng cao năng lực quản lý và điều hành đảm bảo mục tiêu nâng cao doanh thu và lợi nhuận hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2018 và các năm tiếp theo, thực hiện tốt công tác an sinh xã hội.
- ✓ Tiết kiệm tối đa chi phí hoạt động, nhằm tăng doanh thu, tăng lợi nhuận, nâng cao hiệu quả của việc sử dụng nguồn vốn chủ sở hữu. Tập trung cung cấp nước an toàn cho sản xuất và sinh hoạt của các khu dân cư, khu công nghiệp trên địa bàn huyện Nhơn Trạch.
- ✓ Phối hợp giám sát việc thực hiện công bố thông tin của Công ty trên phương tiện thông tin đại chúng, đảm bảo tính minh bạch, công khai theo quy định của Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội, tiếp tục lựa chọn công ty kiểm toán có năng lực thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2018.
- ✓ Đảm bảo chất lượng của hoạt động cung cấp nước và xây lắp. Kiểm soát lượng nước thất thoát giảm tối đa, đồng thời tiết kiệm chi phí, đảm bảo lợi nhuận đạt kế hoạch.

BÁO CÁO

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG





VỀ KINH TẾ

Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch hình thành và phát triển trên cơ sở dân chủ, bình đẳng, tự nguyện các cổ đông cùng nhau góp vốn cùng chia sẻ lợi nhuận, cũng như cùng chịu trách nhiệm đối với các khoản nợ trên số vốn đã đầu tư. Cho đến thời điểm hiện nay, các mục tiêu kinh tế đặt ra đều được Ban Điều hành và toàn thể cán bộ nhân viên trong Công ty phối hợp triển khai thực hiện quyết liệt với tinh thần đầy trách nhiệm. Kết quả hoạt động năm 2017 cho thấy NTW vẫn đảm bảo được thu nhập, các chính sách đối với đối tượng này được thực hiện đầy đủ và có sự cam kết dài lâu, tiếp tục duy trì được sự phát triển bền vững của Công ty, tuân thủ đúng các quy định về thuế của Nhà Nước. NTW luôn tạo công việc ổn định cho người lao động, đảm bảo lợi ích cho các cổ đông, góp phần tăng thu ngân sách tạo điều kiện thúc đẩy phát triển kinh tế Tỉnh Đồng Nai và cả nước.

Những năm qua, Công ty luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được Đại hội đồng cổ đông giao phó. Năm 2017, kết quả kinh doanh tiếp tục duy trì sự tăng trưởng, việc trả cổ tức mỗi năm đều được xem xét trên tinh thần vì sự phát triển trong tương lai của Công ty và trên hết là hướng đến gia tăng lợi ích cho cổ đông.

NTW luôn tuân thủ các nghĩa vụ thuế theo quy định pháp luật, cho đến nay những thành công có được của Công ty đều nhờ các chiến lược kinh doanh phù hợp, nắm bắt được nhu cầu kịp thời và đón đầu xu hướng, duy trì sự ổn định về chất lượng phục vụ, đội ngũ nhân viên năng động, chuyên nghiệp; cũng như không ngừng gia tăng dịch vụ sử dụng, đảm bảo sự chăm sóc tận tình đến khách hàng sử dụng dịch vụ của Công ty.

Tiêu chí

Giá trị mang lại trong năm 2017

Kết quả hoạt động

Doanh thu thuần: 153,9 tỷ đồng; LNST: 21,2 tỷ đồng

Cổ đông

Hoàn thành chi trả cổ tức năm 2016 với tỷ lệ 15%/VĐL

Nộp ngân sách

Tổng khoản nộp ngân sách bằng 10.260.980 ngàn đồng

Người lao động

Mức lương bình quân 2017 là 10.5 triệu đồng/người/tháng



VỀ XÃ HỘI

Công ty đã và đang tạo được việc làm ổn định cho CB.CNV của mình và cho người lao động tại địa bàn tỉnh Đồng Nai. Đảm bảo cho người lao động có được môi trường làm việc an toàn, khỏe mạnh, có được tinh thần thoải mái sau một ngày làm việc. Tạo điều kiện khuyến khích nhân viên thể hiện năng lực trong công việc, qua đó phát hiện đào tạo, bồi dưỡng để chuẩn bị cho nguồn nhân lực kế cận góp phần thực hiện mục tiêu hoạt động mà Công ty đang theo đuổi. Ngoài ra, Công ty luôn tuân thủ thực hiện đầy đủ các quy định dành cho người lao động, duy trì các chính sách phúc lợi đều đặn hàng năm. Kết quả là thu nhập bình quân của CB.CNV trong những năm gần đây được cải thiện tích cực, người lao động có được công việc ổn định, tinh thần gắn bó với doanh nghiệp được nâng cao. Ngoài ra, NTW luôn chú trọng không ngừng cải tiến chất lượng dịch vụ để có thể đáp ứng nhu cầu sử dụng ngày càng cao của khách hàng.

Với mong muốn tham gia đóng góp cho các chương trình mang nhiều ý nghĩa cho cộng đồng và xã hội, Công ty sẽ tiếp tục có sự phối hợp với các đơn vị ủng hộ tiền cho người nghèo, vận động kinh phí giúp đỡ các hoàn cảnh khó khăn, tham gia các chương trình xây dựng cộng đồng có tính hiệu quả lâu dài, đặc biệt là tại địa bàn tỉnh Đồng Nai.



VỀ MÔI TRƯỜNG – NĂNG LƯỢNG

Hoạt động chính của công ty là dịch vụ cung cấp nước sạch cho người tiêu dùng, nên Công ty luôn ý thức được trách nhiệm đối với môi trường thông qua các công tác kiểm tra chất lượng nước, bảo quản hóa chất xử lý nước và tăng cường kiểm tra rủi ro thất thoát nước. Đồng thời không ngừng cải tiến sản xuất để giảm thiểu những rủi ro gây ra ô nhiễm.

Ngoài ra, do đặc thù hoạt động nên loại năng lượng phụ vụ cho hoạt động này chủ yếu là Điện và Nguồn nước ngầm tại khu vực khai thác. Do đó, trước khi thực hiện kế hoạch khai thác và kinh doanh dịch vụ, NTW luôn chú ý để có thể sử dụng điều độ và hợp lý các nguồn năng lượng này góp phần vào việc sử dụng có hiệu quả tài nguyên quốc gia, tiết kiệm chi phí hoạt động. Chất lượng nước thành phẩm của Công ty luôn đạt các tiêu chuẩn của Bộ y tế. Công ty chưa từng bị xử phạt do vi phạm các quy định về môi trường.

Công ty có một đội ngũ chuyên gia để kiểm soát, đánh giá tác động của hoạt động sản xuất đến môi trường nhằm có những biện pháp kiểm soát, sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên nước tại các khu vực khai thác. Đồng thời, NTW luôn cho kiểm tra và bảo trì định kỳ các công nghệ áp dụng cho sản xuất, luôn đảm bảo duy trì trạng thái hoạt động của máy móc, thiết bị ở mức tốt nhất, an toàn nhất để tạo ra dòng nước sạch phân phối cho khách hàng.







QUẢN TRỊ CÔNG TY

- ✓ Hội đồng quản trị
- ✓ Ban kiểm soát
- ✓ Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích





HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÁC TIÊU BAN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hiện nay Công ty không thành lập tiểu ban hội đồng quản trị.

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong năm 2017, Hội đồng quản trị đã có 05 cuộc họp với sự tham dự của đầy đủ các thành viên

| STT | Thành viên HĐQT | Chức vụ | Số buổi họp tham dự | Tỷ lệ |
|-----|-----------------------|-----------------|---------------------|-------|
| 1 | Ông Nguyễn Cao Hà | - Chủ tịch HĐQT | 05 | 100% |
| 2 | Ông Nguyễn Anh Tuấn | - Ủy viên HĐQT | 05 | 100% |
| 3 | Ông Nguyễn Thanh Bình | - Ủy viên HĐQT | 05 | 100% |
| 4 | Ông Nguyễn Chí Quốc | - Ủy viên HĐQT | 05 | 100% |
| 5 | Ông Ngô Dương Đại | - Ủy viên HĐQT | 05 | 100% |

Trong năm 2017, Hội đồng quản trị thường xuyên giám sát các hoạt động triển khai nhiệm vụ mà HĐQT giao cho Ban Tổng Giám đốc, chỉ đạo và định hướng phát triển Công ty; đồng thời giám sát, kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông. Ngoài ra, Hội đồng Quản trị Công ty đã tổ chức các cuộc họp thường ký hàng Quý nhằm đảm bảo nắm bắt toàn diện mọi tình hình hoạt động của Công ty để đưa ra những Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh hàng Quý. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị tập chung vào một số vấn đề chính như sau:

- ✓ Chỉ đạo, đánh giá kết quả SXKD và đầu tư xây dựng cơ bản trong từng tháng, Quý. Đôn đốc và giám sát ban điều hành công ty thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ điều hành, quản lý để thực hiện tốt những chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh trong từng tháng, quý còn lại.
- ✓ Kiểm tra, theo dõi việc công bố thông tin định kỳ và bất thường cho Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội công ty đã thực hiện theo đúng quy định.
- ✓ Chỉ đạo chuẩn bị nội dung, tài liệu và công tác tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017. Thực hiện Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 thành công tốt đẹp.
- ✓ Chỉ đạo thực hiện phương án tăng vốn điều lệ từ 75 tỷ lên 100 tỷ đồng đã được ĐHĐCĐ thông qua.
- ✓ Phê duyệt các chủ trương, ban hành các Nghị quyết, Quyết định thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và đầu tư xây dựng.
- ✓ Các thành viên Hội đồng quản trị đã thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ của mình theo đúng Điều lệ Công ty, dự họp đầy đủ và có nhiều ý kiến đóng góp thiết thực cho việc ban hành và tổ chức thực hiện các Nghị quyết, Quyết định đảm bảo cho việc thực hiện tốt nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và đầu tư xây dựng cơ bản.

Các nghị quyết và quyết định trong năm 2016 của HĐQT:

Nghị quyết HĐQT

| STT | Số Nghị quyết | Ngày phát hành | Nội dung |
|-----|-----------------|----------------|--|
| 1 | 01/2017/QĐ-HĐQT | 11/05/2017 | Thực hiện phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu. |
| 2 | 02/2017/QĐ-HĐQT | 14/03/2017 | Thống nhất chủ trương xây dựng công trình nâng cấp mở rộng Nhà máy xử lý nước Đại Phước công suất 5.000m ³ /ngày.đêm. |
| 3 | 03/2017/QĐ-HĐQT | 21/06/2017 | Lựa chọn đơn vị thực hiện kiểm toán BCTC năm 2017 của Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch. |
| 4 | 04/2017/QĐ-HĐQT | 19/07/2017 | Chi thưởng cho Ban quản lý, điều hành Công ty năm 2016. |
| 5 | 05/2017/QĐ-HĐQT | 27/07/2017 | Thông qua việc đăng ký Chứng khoán bổ sung tại Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) và đăng ký giao dịch Chứng khoán bổ sung tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) 2.500.000 cổ phiếu từ đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu. |

Quyết định của HĐQT

| STT | Số Quyết định | Ngày phát hành | Nội dung |
|-----|---------------------|----------------|---|
| 1 | 01/2017/QĐ-HĐQT-NTW | 02/03/2017 | Phê duyệt báo cáo KTKT công trình: Xây dựng tuyến ống cấp nước HDPE D160mm đường Hùng Vương. ĐĐ: xã Đại Phước, Phú Đông, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai. |
| 2 | 02/2017/QĐ-HĐQT-NTW | 16/03/2017 | Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình: Xây dựng tuyến ống cấp nước HDPE D160mm đường Hùng Vương. |
| 3 | 03/2017/QĐ-HĐQT-NTW | 17/03/2017 | Phê duyệt dự toán chi phí chuẩn bị đầu tư xây dựng công trình: Xây dựng HTCN thô công suất 2.500m ³ /ngày cho nhà máy xử lý nước Đại Phước. |
| 4 | 04/2017/QĐ-HĐQT-NTW | 27/03/2017 | Phê duyệt dự toán chi phí đầu tư xây dựng công trình: Nâng cấp, mở rộng nhà máy xử lý nước Đại Phước công suất 5.000m ³ /ngày.đêm. |
| 5 | 05/2017/QĐ-HĐQT-NTW | 30/03/2017 | Phê duyệt báo cáo KTKT công trình: Xây dựng tuyến ống cấp nước HDPE D160 đường DDT xã Phước Thiện. |
| 6 | 06/2017/QĐ-HĐQT-NTW | 31/03/2017 | Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình: Xây dựng HTCN thô công suất 2.500m ³ /ngày cho nhà máy xử lý Đại Phước. |
| 7 | 07/2017/QĐ-HĐQT-NTW | 05/04/2017 | Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình: Nâng cấp, mở rộng nhà máy xử lý nước Đại Phước công suất 5.000m ³ /ngày.đêm. |
| 8 | 08/2017/QĐ-HĐQT-NTW | 11/04/2017 | Nâng lương Cán bộ quản lý Công ty (Ông Võ Quang Hồng). |

| STT | Số Quyết định | Ngày phát hành | Nội dung |
|-----|---------------------|----------------|---|
| 9 | 09/2017/QĐ-HĐQT-NTW | 11/04/2017 | Thành lập Ban thẩm tra tư cách cổ đông và Ban kiểm phiếu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 của Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch. |
| 10 | 10/2017/QĐ-HĐQT-NTW | 17/04/2017 | Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình: Xây dựng tuyến ống cấp nước HDPE D160mm đường ĐT769 xã Phước Thiện. |
| 11 | 11/2017/QĐ-HĐQT-NTW | 21/04/2017 | Phê duyệt dự toán gói thầu xây dựng công trình: Xây dựng tuyến ống cấp nước HDPE D160mm đường Hùng Vương. |
| 12 | 12/2017/QĐ-HĐQT-NTW | 03/05/2017 | Phê duyệt dự toán gói thầu xây lắp số 01 công trình: Xây dựng tuyến ống cấp nước HDPE D160mm đường ĐT769 xã Phước Thiện. |
| 13 | 13/2017/QĐ-HĐQT-NTW | 27/07/2017 | Sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch. |
| 14 | 14/2017/QĐ-HĐQT-NTW | 18/09/2017 | Phê duyệt dự toán chi phí chuẩn bị đầu tư Dự án: Xây dựng tuyến ống cấp nước đường Nguyễn Văn Cừ. ĐĐ: huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai. |
| 15 | 15/2017/QĐ-HĐQT-NTW | 26/09/2017 | Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Dự án: Xây dựng tuyến ống cấp nước đường Nguyễn Văn Cừ. ĐĐ: huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai. |
| 16 | 16/2017/QĐ-HĐQT-NTW | 03/10/2017 | Phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật Công trình: Xây dựng HTCN thô công suất 2.500m ³ /ngày cho nhà máy nước Đại Phước. ĐĐ: xã Phước Thiện, Nhơn Trạch, Đồng Nai. |
| 17 | 17/2017/QĐ-HĐQT-NTW | 09/10/2017 | Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Công trình: Xây dựng HTCN thô công suất 2.500m ³ /ngày cho nhà máy nước Đại Phước. ĐĐ: xã Phước Thiện, Nhơn Trạch, Đồng Nai. |
| 18 | 18/2017/QĐ-HĐQT-NTW | 26/10/2017 | Phê duyệt dự toán gói thầu xây dựng. Gói thầu số 1 (xây lắp): Xây dựng HTCN thô công suất 2.500m ³ /ngày.đêm cho nhà máy xử lý nước Đại Phước. |
| 19 | 19/2017/QĐ-HĐQT-NTW | 20/11/2017 | Phê duyệt dự toán gói thầu xây dựng. Gói thầu số 1 (xây lắp): Xây dựng HTCN thô công suất 2.500m ³ /ngày cho nhà máy xử lý nước Đại Phước. Công trình: Xây dựng HTCN thô công suất 2.500m ³ /ngày cho nhà máy xử lý nước Đại Phước. |
| 20 | 20/2017/QĐ-HĐQT-NTW | 04/12/2017 | Bổ nhiệm lại Phó giám đốc Công ty (Ông Ngô Dương Đại). |

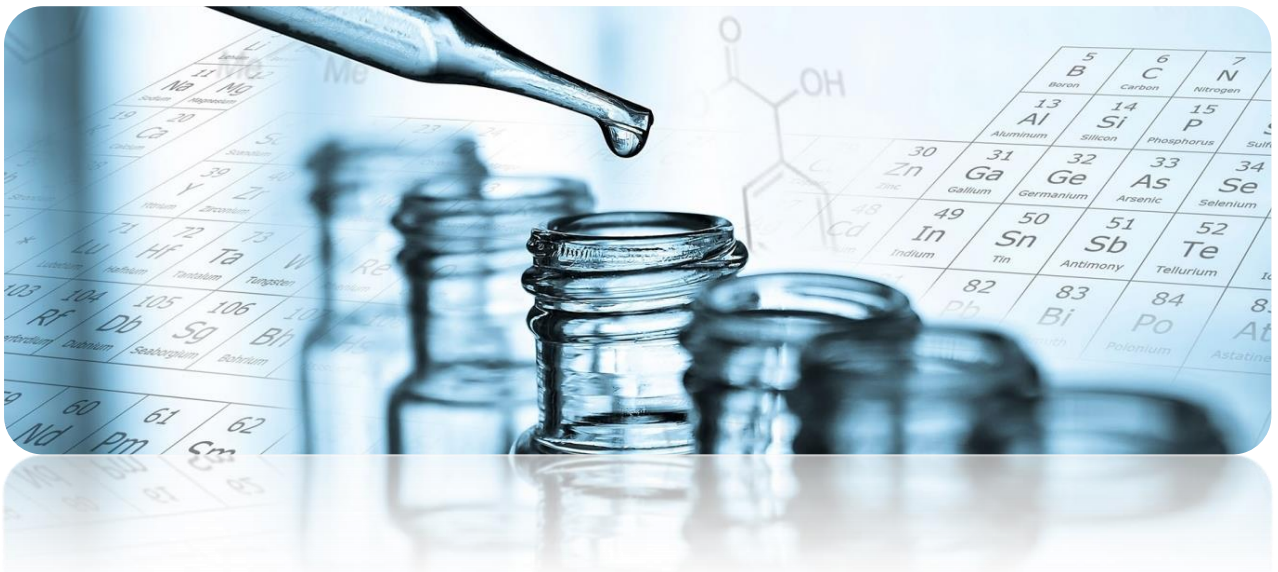
Các thành viên trong HĐQT có chứng chỉ quản trị Công ty: Không có



BAN KIỂM SOÁT

Trong năm vừa qua, Ban kiểm soát đã tổ chức các cuộc họp định kỳ theo đúng quy định, luôn thực hiện nghiêm túc chức năng, quyền hạn của mình trong việc giám sát điều hành Công ty nhằm đảm bảo việc hoạt động hiệu quả, đem lại lợi ích cao nhất cho cổ đông.. Nội dung các cuộc họp được diễn ra nhằm triển khai công tác kiểm tra, giám sát đối với Hội đồng quản trị và Ban điều hành khi thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh, kế toán tài chính, kiểm tra tình hình đầu tư xây dựng cơ bản và các hoạt động khác của công ty. Việc tổ chức các cuộc họp định kỳ sẽ giúp cho Ban kiểm soát nắm bắt được tình hình hoạt động của Công ty.

Với tinh thần trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ của các cổ đông giao phó, Ban kiểm soát cử người tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT để giám sát phối hợp. Trao đổi và đóng góp ý kiến thẳng thắn, trung thực với Hội đồng quản trị và Ban điều hành công ty trong việc quản lý và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty bảo đảm công ty hoạt động theo đúng nghị quyết Đại Hội cổ đông thường niên 2017 để ra, phù hợp với mục tiêu của Công ty và các chính sách, chế độ quy định của Nhà nước.





CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

Thù lao, lương, thưởng và các khoản lợi ích

| Họ và tên | Chức danh | Thù lao | Lương | Thưởng |
|----------------------------|------------------|------------|-------------|------------|
| Hội đồng quản trị | | | | |
| Ông Nguyễn Cao Hà | Chủ tịch | 84.000.000 | | 50.000.000 |
| Ông Nguyễn Anh Tuấn | Thành viên | 60.000.000 | | |
| Ông Ngô Dương Đại | Thành viên | 60.000.000 | | |
| Ông Nguyễn Thanh Bình | Thành viên | 60.000.000 | | 45.000.000 |
| Ông Nguyễn Chí Quốc | Thành viên | 60.000.000 | | 45.000.000 |
| Ban kiểm soát | | | | |
| Ông Trần Văn Thù | Trưởng ban | | 365.245.280 | 20.000.000 |
| Ông Đặng Nguyễn Thanh Liêm | Thành viên | 48.000.000 | | 10.000.000 |
| Ông Nguyễn Tấn Dũng | Thành viên | 48.000.000 | | 10.000.000 |
| Ban thư ký | | | | |
| Ông Nguyễn Ngọc Hiền | Thư ký HĐQT | 48.000.000 | | 10.000.000 |
| Ban điều hành | | | | |
| Ông Nguyễn Anh Tuấn | Giám đốc | NT | 612.828.910 | 45.000.000 |
| Ông Ngô Dương Đại | Phó Giám đốc | NT | 487.958.930 | 45.000.000 |
| Ông Võ Quang Hồng | Phó Giám đốc | | 498.701.790 | 20.000.000 |
| Bà Đặng Thị Thu Hằng | Phụ trách P.TCKT | | 326.365.017 | 16.165.000 |

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không

Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không



BÁO CÁO TÀI CHÍNH





BY MEMBER STATE AND TOR COLLECTED ON BEHALF OF THE EU, IN 2006

| Type of revenue | 2006 | | 2005 | | 2004 | |
|---|-------------|-------|-------------|-------|-------------|-------|
| | million EUR | % | million EUR | % | million EUR | % |
| (1) VAT based own resource including balance from previous year | 49,127.3 | 52.1% | 36,535.0 | 45.0% | 34,251.5 | 42.0% |
| (2) GNP/GDP based own resource (*) including balance from previous year | 14,172.6 | 14.9% | 21,058.0 | 25.9% | 26,091.7 | 32.4% |
| (3) UK correction (2) | 70.1 | 0.1% | -87.0 | -0.1% | -134.8 | -0.1% |
| (4) Other payments from Member States (2) | -3.6 | -0.0% | 3.1 | 0.0% | -2.8 | -0.0% |
| (5) Total national contributions = (1) + (2) + (3) + (4) | 52,874.4 | 55.1% | 57,533.1 | 70.8% | 61,185.7 | 75.3% |
| (6) Total | 95,212.6 | 100% | 81,126.1 | 100% | 81,187.5 | 100% |



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

Khu công nghiệp Nhơn Trạch, đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp Nước Nhơn Trạch (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch tiền thân là Xí nghiệp Nước Nhơn Trạch, được thành lập năm 1997, là đơn vị trực thuộc của Công ty TNHH Một Thành Viên Xây dựng Cấp nước Đồng Nai. Công ty được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4703000498 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp ngày 14 tháng 02 năm 2008.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sau:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ nhất ngày 10 tháng 11 năm 2008;
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ hai ngày 18 tháng 5 năm 2012 về việc thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4703000498 thành Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số doanh nghiệp 3600977120; thay đổi danh sách và tỷ lệ góp vốn của cổ đông sáng lập;
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ ba ngày 27 tháng 5 năm 2015 về việc tăng vốn điều lệ từ 30 tỷ VND thành 50 tỷ VND, thay đổi tỷ lệ góp vốn;
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ tư ngày 13 tháng 4 năm 2016 về việc tăng vốn điều lệ từ 50 tỷ VND thành 75 tỷ VND;
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ năm ngày 26 tháng 5 năm 2016 về việc thay đổi thông tin cá nhân của người đại diện theo pháp luật của Công ty;
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ sáu ngày 13 tháng 09 năm 2017 về việc tăng vốn điều lệ từ 75 tỷ VND thành 100 tỷ VND.

Trụ sở chính:

- Địa chỉ : Khu công nghiệp Nhơn Trạch, đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.
- Điện thoại : (0251) 3 560 574
- Fax : (0251) 3 560 031

Cổ phiếu của Công ty chính thức được giao dịch trên sàn UPCOM vào ngày 09 tháng 4 năm 2012 như sau:

- Loại cổ phiếu: cổ phiếu phổ thông
- Mã chứng khoán: NTW
- Mệnh giá: 10.000 VND/cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu niêm yết: 10.000.000 cổ phiếu
- Tổng giá trị cổ phiếu niêm yết theo mệnh giá: 100.000.000.000 VND.

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Khai thác, xử lý và cung cấp nước (Chi tiết: Khai thác, lọc nước phục vụ sinh hoạt, công nghiệp, phân phối nước sạch);
- Xây dựng công trình công ích (Chi tiết: Xây dựng đường ống cấp thoát nước, trạm bơm nước);
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí (Chi tiết: Lắp đặt ống cấp thoát nước, bơm nước);
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan (Chi tiết: Theo dõi, giám sát lắp đặt thiết bị công trình, xây dựng và hoàn thiện công trình cấp nước).

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

Khu công nghiệp Nhơn Trạch, đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

2. Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát của Công ty trong năm tài chính này và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

| Họ và tên | Chức vụ |
|-----------------------|------------|
| Ông Nguyễn Cao Hà | Chủ tịch |
| Ông Nguyễn Anh Tuấn | Thành viên |
| Ông Ngô Dương Đại | Thành viên |
| Ông Ngô Chí Quốc | Thành viên |
| Ông Nguyễn Thanh Bình | Thành viên |

Ban kiểm soát

| Họ và tên | Chức vụ |
|----------------------------|------------|
| Ông Trần Văn Thù | Trưởng ban |
| Ông Nguyễn Tấn Dũng | Thành viên |
| Ông Đặng Nguyễn Thanh Liêm | Thành viên |

Ban Giám đốc

| Họ và tên | Chức vụ |
|---------------------|--------------|
| Ông Nguyễn Anh Tuấn | Giám đốc |
| Ông Ngô Dương Đại | Phó Giám đốc |
| Ông Võ Quang Hồng | Phó Giám đốc |

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nguyễn Anh Tuấn, chức vụ Giám đốc.

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

Khu công nghiệp Nhơn Trạch, đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

6. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

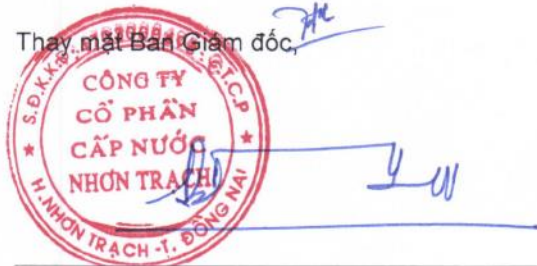
Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

7. Công bố các Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc công bố Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc,



NGUYỄN ANH TUẤN
Giám đốc

Đồng Nai, ngày 31 tháng 01 năm 2018



Số: 138/2018/BCKT-HCM.00771

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Cấp Nước Nhơn Trạch

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp Nước Nhơn Trạch (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 31 tháng 01 năm 2018, từ trang 06 đến trang 34, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cấp Nước Nhơn Trạch tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như được trình bày tại mục 4.10 của Thuyết minh Báo cáo tài chính, trong năm 2017 Công ty ghi nhận chi phí lương theo quỹ lương kế hoạch, quỹ lương kế hoạch này đang chờ Hội đồng quản trị phê duyệt.



TRANG ĐẶC NHA
Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2111-2018-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 01 năm 2018

ĐỖ CHÍ LIỄU
Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3233-2015-009-1

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

Khu công nghiệp Nhơn Trạch, đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

| | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2017 VND | 01/01/2017 VND |
|--|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| TÀI SẢN | | | | |
| TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 133.418.928.141 | 141.310.137.336 |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | 5.1 | 56.522.018.664 | 59.128.275.285 |
| Tiền | 111 | | 10.117.494.850 | 2.425.511.430 |
| Các khoản tương đương tiền | 112 | | 46.404.523.814 | 56.702.763.855 |
| Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | - | - |
| Chứng khoán kinh doanh | 121 | | - | - |
| Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh | 122 | | - | - |
| Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | | - | - |
| Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 67.202.467.498 | 73.026.108.193 |
| Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | 5.2 | 32.871.285.881 | 33.967.436.161 |
| Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | 5.3 | 763.773.124 | 449.053.741 |
| Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | | - | - |
| Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134 | | - | - |
| Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | 5.4 | 35.000.000.000 | 40.000.000.000 |
| Phải thu ngắn hạn khác | 136 | 5.5 | 882.905.719 | 925.115.517 |
| Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | 5.6 | (2.315.497.226) | (2.315.497.226) |
| Tài sản thiếu chờ xử lý | 139 | | - | - |
| Hàng tồn kho | 140 | 5.7 | 7.360.450.615 | 7.516.969.927 |
| Hàng tồn kho | 141 | | 7.360.450.615 | 7.516.969.927 |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | - | - |
| Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 2.333.991.364 | 1.638.783.931 |
| Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | | - | - |
| Thuế GTGT được khấu trừ | 152 | | 1.345.976.069 | 1.274.646.075 |
| Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | 5.13 | 988.015.295 | 364.137.856 |
| Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 154 | | - | - |
| Tài sản ngắn hạn khác | 155 | | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

Khu công nghiệp Nhơn Trạch, đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

| | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2017 VND | 01/01/2017 VND |
|--|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| TÀI SẢN | | | | |
| TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 70.438.296.801 | 61.007.426.294 |
| Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | - | - |
| Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | | - | - |
| Trả trước cho người bán dài hạn | 212 | | - | - |
| Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc | 213 | | - | - |
| Phải thu nội bộ dài hạn | 214 | | - | - |
| Phải thu về cho vay dài hạn | 215 | | - | - |
| Phải thu dài hạn khác | 216 | | - | - |
| Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi | 219 | | - | - |
| Tài sản cố định | 220 | | 69.015.572.476 | 58.174.831.663 |
| Tài sản cố định hữu hình | 221 | 5.8 | 69.015.572.476 | 58.172.331.663 |
| Nguyên giá | 222 | | 171.180.907.185 | 148.377.295.657 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (102.165.334.709) | (90.204.963.994) |
| Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | | - | - |
| Nguyên giá | 225 | | - | - |
| Giá trị hao mòn lũy kế | 226 | | - | - |
| Tài sản cố định vô hình | 227 | 5.9 | - | 2.500.000 |
| Nguyên giá | 228 | | 45.000.000 | 45.000.000 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | (45.000.000) | (42.500.000) |
| Bất động sản đầu tư | 230 | | - | - |
| Nguyên giá | 231 | | - | - |
| Giá trị hao mòn lũy kế | 232 | | - | - |
| Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | 1.422.724.325 | 2.832.594.631 |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241 | | - | - |
| Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | 5.10 | 1.422.724.325 | 2.832.594.631 |
| Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | - | - |
| Đầu tư vào công ty con | 251 | | - | - |
| Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 252 | | - | - |
| Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | | - | - |
| Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | 254 | | - | - |
| Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 255 | | - | - |
| Tài sản dài hạn khác | 260 | | - | - |
| Chi phí trả trước dài hạn | 261 | | - | - |
| Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | | - | - |
| Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn | 263 | | - | - |
| Tài sản dài hạn khác | 268 | | - | - |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 203.857.224.942 | 202.317.563.630 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

Khu công nghiệp Nhơn Trạch, đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

| | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2017 VND | 01/01/2017 VND |
|--|------------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| NGUỒN VỐN | | | | |
| NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 20.359.251.013 | 23.450.305.031 |
| Nợ ngắn hạn | 310 | | 20.359.251.013 | 23.450.305.031 |
| Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | 5.11 | 5.572.069.300 | 8.270.384.071 |
| Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | 5.12 | 316.915.846 | 20.014.050 |
| Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | 5.13 | 411.608.051 | 298.202.490 |
| Phải trả người lao động | 314 | 5.14 | 5.494.393.820 | 3.088.569.736 |
| Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | | - | - |
| Phải trả nội bộ ngắn hạn | 316 | | - | - |
| Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 317 | | - | - |
| Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | | - | - |
| Phải trả ngắn hạn khác | 319 | 5.15 | 303.692.436 | 261.719.708 |
| Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | | - | - |
| Dự phòng phải trả ngắn hạn | 321 | | - | - |
| Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | 5.16 | 8.260.571.560 | 11.511.414.976 |
| Quỹ bình ổn giá | 323 | | - | - |
| Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 324 | | - | - |
| Nợ dài hạn | 330 | | - | - |
| Phải trả người bán dài hạn | 331 | | - | - |
| Người mua trả tiền trước dài hạn | 332 | | - | - |
| Chi phí phải trả dài hạn | 333 | | - | - |
| Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh | 334 | | - | - |
| Phải trả nội bộ dài hạn | 335 | | - | - |
| Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | 336 | | - | - |
| Phải trả dài hạn khác | 337 | | - | - |
| Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | | - | - |
| Trái phiếu chuyển đổi | 339 | | - | - |
| Cổ phiếu ưu đãi | 340 | | - | - |
| Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 341 | | - | - |
| Dự phòng phải trả dài hạn | 342 | | - | - |
| Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 343 | | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

Khu công nghiệp Nhơn Trạch, đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

| | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2017 VND | 01/01/2017 VND |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 183.497.973.929 | 178.867.258.599 |
| Vốn chủ sở hữu | 410 | 5.17 | 183.497.973.929 | 178.867.258.599 |
| Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 411 | | 100.000.000.000 | 75.000.000.000 |
| <i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i> | 411a | | 100.000.000.000 | 75.000.000.000 |
| <i>Cổ phiếu ưu đãi</i> | 411b | | - | - |
| Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | 6.043.138.411 | 6.043.138.411 |
| Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu | 413 | | - | - |
| Vốn khác của chủ sở hữu | 414 | | - | - |
| Cổ phiếu quỹ | 415 | | - | - |
| Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 416 | | - | - |
| Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 417 | | - | - |
| Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | 16.792.673.664 | 40.839.064.343 |
| Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp | 419 | | - | - |
| Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 420 | | - | - |
| Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | 60.662.161.854 | 56.985.055.845 |
| <i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i> | 421a | | 39.505.671.611 | 37.912.869.427 |
| <i>LNST chưa phân phối kỳ này</i> | 421b | | 21.156.490.243 | 19.072.186.418 |
| Nguồn vốn đầu tư XDCB | 422 | | - | - |
| Nguồn kinh phí, quỹ khác | 430 | | - | - |
| Nguồn kinh phí | 431 | | - | - |
| Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ | 432 | | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 203.857.224.942 | 202.317.563.630 |



NGUYỄN VĂN HOÀN
Người lập biểu



ĐẶNG THỊ THU HẰNG
Kế toán trưởng




NGUYỄN ANH TUẤN
Giám đốc
Đồng Nai, ngày 31 tháng 01 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

Khu công nghiệp Nhơn Trạch, đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

| | Mã số | Thuyết minh | Năm 2017 VND | Năm 2016 VND |
|--|-----------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | 6.1.1 | 153.943.895.717 | 131.305.855.522 |
| Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | 6.2 | 28.192.200 | 13.291.225 |
| Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | | 153.915.703.517 | 131.292.564.297 |
| Giá vốn hàng bán | 11 | 6.3 | 118.752.922.000 | 102.742.612.387 |
| Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 35.162.781.517 | 28.549.951.910 |
| Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 6.4 | 4.982.672.997 | 4.817.938.487 |
| Chi phí tài chính | 22 | | - | - |
| - Trong đó, chi phí lãi vay | 23 | | - | - |
| Chi phí bán hàng | 25 | 6.5 | 5.385.215.686 | 3.965.331.243 |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | 6.6 | 8.408.603.341 | 5.462.626.780 |
| Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 26.351.635.487 | 23.939.932.374 |
| Thu nhập khác | 31 | 6.7 | 4.423.261.190 | 235.149.107 |
| Chi phí khác | 32 | 6.8 | 4.242.283.873 | 251.848.459 |
| Lợi nhuận/ (lỗ) khác | 40 | | 180.977.317 | (16.699.352) |
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 26.532.612.804 | 23.923.233.022 |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | 5.13 | 5.376.122.561 | 4.851.046.604 |
| Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 52 | | - | - |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | 21.156.490.243 | 19.072.186.418 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | 6.9.1 | 1.946 | 2.340 |

NGUYỄN VĂN HOÀN
Người lập biểu

ĐẶNG THỊ THU HẰNG
Kế toán trưởng



NGUYỄN ANH TUẤN
Giám đốc

Đồng Nai, ngày 31 tháng 01 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

Khu công nghiệp Nhơn Trạch, đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

| | Mã số | Năm 2017 VND | Năm 2016 VND |
|--|-----------|-------------------------|-------------------------|
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD | | | |
| Lợi nhuận trước thuế | 01 | 26.532.612.804 | 23.923.233.022 |
| Điều chỉnh cho các khoản | | | |
| Khấu hao tài sản cố định | 02 | 11.962.870.715 | 11.312.009.530 |
| Các khoản dự phòng/(hoàn nhập) | 03 | - | - |
| (Lãi), lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04 | - | - |
| (Lãi), lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | (4.982.672.997) | (4.817.938.487) |
| Chi phí lãi vay | 06 | - | - |
| Các khoản điều chỉnh khác | 07 | - | - |
| Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động | 08 | 33.512.810.522 | 30.417.304.065 |
| (Tăng), giảm các khoản phải thu | 09 | 15.178.350 | 2.536.270.758 |
| (Tăng), giảm hàng tồn kho | 10 | 156.519.312 | 945.978.332 |
| Tăng, (giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, | 11 | 741.061.237 | (2.285.069.700) |
| (Tăng)/giảm chi phí trả trước | 12 | - | - |
| (Tăng)/ giảm chứng khoán kinh doanh | 13 | - | - |
| Tiền lãi vay đã trả | 14 | - | - |
| Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | (6.000.000.000) | (4.700.000.000) |
| Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | - | - |
| Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh | 17 | (4.776.618.329) | (1.950.492.571) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh | 20 | 23.648.951.092 | 24.963.990.884 |
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | |
| Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác | 21 | (21.393.741.222) | (19.732.025.339) |
| Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác | 22 | - | - |
| Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác | 23 | - | (20.000.000.000) |
| Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | 5.000.000.000 | - |
| Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | - | - |
| Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | - | - |
| Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | 5.095.927.909 | 4.285.342.492 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | (11.297.813.313) | (35.446.682.847) |
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | |
| Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | 31 | - | - |
| Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ | 32 | - | - |
| Tiền thu từ đi vay | 33 | - | - |
| Tiền chi trả nợ gốc vay | 34 | - | - |
| Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính | 35 | - | - |
| Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | (14.957.394.400) | (14.975.959.925) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | (14.957.394.400) | (14.975.959.925) |
| LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM | 50 | (2.606.256.621) | (25.458.651.888) |
| TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM | 60 | 59.128.275.285 | 84.586.927.173 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | - | - |
| TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM | 70 | 56.522.018.664 | 59.128.275.285 |



NGUYỄN VĂN HOÀN
Người lập biểu



ĐẶNG THỊ THU HẰNG
Kế toán trưởng





NGUYỄN ANH TUẤN
Giám đốc

Đồng Nai, ngày 31 tháng 01 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

Khu công nghiệp Nhơn Trạch, đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cấp Nước Nhơn Trạch (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần.

Cổ phiếu của Công ty chính thức được giao dịch trên sàn UPCOM vào ngày 09 tháng 4 năm 2012 như sau:

- Loại cổ phiếu: cổ phiếu phổ thông.
- Mã chứng khoán: NTW.
- Mệnh giá: 10.000 VND/cổ phiếu.
- Số lượng cổ phiếu niêm yết: 10.000.000 cổ phiếu.
- Tổng giá trị cổ phiếu niêm yết theo mệnh giá: 100.000.000.000 VND.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: Khai thác, lọc nước phục vụ sinh hoạt, công nghiệp; phân phối nước sạch.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Khai thác, xử lý và cung cấp nước (Chi tiết: Khai thác, lọc nước phục vụ sinh hoạt, công nghiệp, phân phối nước sạch);
- Xây dựng công trình công ích (Chi tiết: Xây dựng đường ống cấp thoát nước, trạm bơm nước);
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí (Chi tiết: Lắp đặt ống cấp thoát nước, bơm nước);
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan (Chi tiết: Theo dõi, giám sát lắp đặt thiết bị công trình, xây dựng và hoàn thiện công trình cấp nước).

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

1.6 Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, tổng số nhân viên của Công ty là 82 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 85 người).

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam "VND" do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán Việt Nam của Bộ Tài Chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài Chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại ngày báo cáo.

4.3 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dự phòng phải thu khó đòi vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4.4 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài Chính.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

Khu công nghiệp Nhơn Trạch, đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

4.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: là các chi liên quan đến chi phí lắp đặt, sửa chữa, thi công hệ thống cấp nước còn dở dang.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

4.6 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u> | <u>Số năm khấu hao</u> |
|---------------------------------|------------------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 05 - 25 |
| Máy móc và thiết bị | 05 - 07 |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 06 - 10 |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 - 05 |

4.7 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là Chương trình phần mềm kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

Khu công nghiệp Nhơn Trạch, đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

4.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

4.9 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

4.10 Tiền lương

Tiền lương phân bổ vào chi phí trong năm được căn cứ vào Quỹ tiền lương kế hoạch của năm 2017 được xác định theo Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13 tháng 06 năm 2016 của Chính phủ Quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Công ty Cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước và Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 09 năm 2016 của Bộ lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Công ty cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước.

Năm tài chính năm 2017, Công ty ghi nhận chi phí lương trong năm theo quỹ lương kế hoạch đang chờ Hội đồng quản trị phê duyệt.

4.11 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cầu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

Khu công nghiệp Nhơn Trạch, đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

4.12 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.13 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

4.14 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

4.15 Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

4.16 Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm có tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

Khu công nghiệp Nhơn Trạch, đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm có các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính và trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

4.17 Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các công ty /đối tượng sau đây được xem là các bên có liên quan:

Công ty/đối tượng

Công ty Cổ phần Cấp Nước Đồng Nai
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp Nước Đồng Nai
Công ty Cổ phần Cấp Nước Long Khánh
Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc

Quan hệ

Công ty mẹ
Công ty cùng tập đoàn
Công ty cùng tập đoàn
Thành viên chủ chốt

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

Khu công nghiệp Nhơn Trạch, đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

| | 31/12/2017 VND | 01/01/2017 VND |
|---------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Tiền mặt – VND | 71.649.897 | 176.864.673 |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn - VND | 10.045.844.953 | 2.248.646.757 |
| Các khoản tương đương tiền – VND (*) | 46.404.523.814 | 56.702.763.855 |
| | 56.522.018.664 | 59.128.275.285 |

(*) Là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gửi từ 01 tháng đến 03 tháng. Lãi suất tiền gửi từ 4,3%/năm đến 5,2%/năm.

5.2 Phải thu ngắn hạn khách hàng

| | 31/12/2017 VND | 01/01/2017 VND |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Phải thu các bên liên quan | | |
| Công ty Cổ phần Cấp Nước Đồng Nai | | |
| Phải thu bán tài sản cố định (*) | 16.466.323.376 | 16.466.323.376 |
| Phải thu cải tạo sửa chữa hàng rào Trạm bơm tăng áp Nhơn Trạch | 8.391.405 | 8.391.405 |
| Phải thu các khách hàng khác | | |
| Phải thu tiền nước | | |
| Phải thu tiền nước tháng 12/2017 | 13.616.537.498 | - |
| Phải thu tiền nước tháng 12/2016 | - | 11.401.042.952 |
| Phải thu tiền nước tồn của các tháng trước | 59.713.149 | 24.161.325 |
| Phải thu tiền lắp đặt hệ thống cấp thoát nước và đồng hồ nước | | |
| Ban quản lý dự án huyện Nhơn Trạch | - | 2.348.729.836 |
| Công ty TNHH Vạn Phúc | 2.271.119.074 | 2.271.119.074 |
| Ủy Ban Nhân Dân Xã Phú Hữu | - | 847.017.620 |
| Hợp tác xã Dịch vụ Nông Nghiệp Đại Phước | 301.982.600 | 341.982.600 |
| Khách hàng khác | 147.218.779 | 258.667.973 |
| | 32.871.285.881 | 33.967.436.161 |

(*) Theo Biên bản họp thường kỳ Quý III/2017 của Hội đồng quản trị số 05/2017/BB-HĐQT-NTW ngày 04 tháng 12 năm 2017, theo đó Công ty Cổ phần cấp nước Nhơn Trạch sẽ tiếp nhận tài sản từ Công ty Cổ phần cấp nước Đồng Nai là các loại đường ống có đường kính từ DN100 đến DN600 cùng các thiết bị và phụ kiện kèm theo trên địa bàn huyện Nhơn Trạch với giá trị tài sản là 56.516.070.000 VND và sẽ được cân trừ với công nợ phải thu Công ty Cổ phần cấp nước Đồng Nai từ việc bán tài sản cố định có số dư tại ngày 31/12/2017 là 16.466.323.376 VND.

5.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn

| | 31/12/2017 VND | 01/01/2017 VND |
|--|--------------------|--------------------|
| Trả trước cho người bán khác | | |
| Công ty TNHH Anh Ngôn | 177.111.000 | 177.111.000 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng cấp thoát nước Thiên Phú | 123.157.926 | - |
| Công ty TNHH Kiểm toán Tư vấn Rồng Việt | 115.000.000 | - |
| Công ty TNHH Công Nghệ Thông Tin Véc Tơ | 105.000.000 | - |
| Công ty Cổ phần Ngọc Tích Đồng Nai | 68.740.000 | 68.740.000 |
| Công ty Cổ phần công nghệ nước Nam An Xanh | - | 82.500.000 |
| Các nhà cung cấp khác | 174.764.198 | 120.702.741 |
| | 763.773.124 | 449.053.741 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

Khu công nghiệp Nhơn Trạch, đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.4 Phải thu về cho vay ngắn hạn

| | 31/12/2017 VND | 01/01/2017 VND |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Phải thu các bên liên quan | | |
| Công ty Cổ phần Cấp Nước Đồng Nai (*) | 20.000.000.000 | 20.000.000.000 |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ & Xây dựng Cấp Nước Đồng Nai (**) | 15.000.000.000 | 20.000.000.000 |
| | 35.000.000.000 | 40.000.000.000 |

(*) Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là khoản tiền cho Công ty mẹ – Công ty Cổ phần Cấp Nước Đồng Nai vay theo hợp đồng vay số 114/2017/HĐ-NTW ngày 09 tháng 11 năm 2017, thời hạn cho vay là 03 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất cho vay là 4,8%/năm. Không có tài sản đảm bảo hoặc bảo lãnh cho khoản cho vay.

(**) Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là khoản tiền cho Công ty Cổ phần Dịch vụ & Xây dựng Cấp Nước Đồng Nai vay theo hợp đồng vay số 212/DVXDCN ngày 29 tháng 09 năm 2017, thời hạn cho vay là 03 tháng kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017, lãi suất cho vay là 7%/năm. Không có tài sản đảm bảo hoặc bảo lãnh cho khoản cho vay.

5.5 Phải thu ngắn hạn khác

| | 31/12/2017 | | 01/01/2017 | |
|--|--------------------|-----------------|--------------------|-----------------|
| | Giá trị VND | Dự phòng VND | Giá trị VND | Dự phòng VND |
| Phải thu các bên liên quan | | | | |
| Công ty Cổ phần Cấp Nước Đồng Nai | | | | |
| Phải thu phí di dời trụ cứu hỏa | 82.260.000 | - | 82.260.000 | - |
| Phải thu lãi cho vay dự thu | 138.666.667 | - | 135.444.444 | - |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ & Xây dựng Cấp Nước Đồng Nai | | | | |
| Phải thu lãi cho vay dự thu | - | - | 7.777.778 | - |
| Phải thu các tổ chức và cá nhân khác | | | | |
| Lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dự thu | 280.674.416 | - | 389.373.773 | - |
| Tòa Án Nhân Dân huyện Nhơn Trạch | 4.427.775 | - | 4.427.775 | - |
| Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp nộp thừa | 80.897.266 | - | 76.182.309 | - |
| Tạm ứng | 151.900.000 | - | 140.625.000 | - |
| Ký cược, ký quỹ | 144.079.595 | - | 89.024.438 | - |
| | 882.905.719 | - | 925.115.517 | - |

5.6 Nợ xấu

| | | 31/12/2017 | | | 01/01/2017 | |
|---|---------------|----------------------|----------------|---------------|----------------------------------|----------------------|
| | | Thời gian quá hạn | Giá gốc VND | | Giá trị có thể thu hồi VND | Thời gian quá hạn |
| Các tổ chức và cá nhân khác | | | | | | |
| Phải thu thương mại | | | | | | |
| Công ty TNHH Vạn Phúc | | | | | | |
| Phải thu phí lắp đặt hệ thống cấp nước | Trên 3 năm | 2.271.119.074 | - | Trên 3 năm | 2.271.119.074 | - |
| Ông Lê Văn Tùng | | | | | | |
| Phải thu phí lắp đặt hệ thống cấp nước | Trên 3 năm | 44.378.152 | - | Trên 3 năm | 44.378.152 | - |
| | | 2.315.497.226 | - | | 2.315.497.226 | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

Khu công nghiệp Nhơn Trạch, đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

| | |
|--------------------------------------|-------------------------------|
| | Nợ phải thu thương mại VND |
| Tại ngày 01/01/2017 | 2.315.497.226 |
| Trích lập dự phòng bổ sung trong năm | - |
| Tại ngày 31/12/2017 | 2.315.497.226 |

5.7 Hàng tồn kho

| | 31/12/2017 | | 01/01/2017 | |
|--------------------------------------|----------------------|-----------------|----------------------|-----------------|
| | Giá gốc VND | Dự phòng VND | Giá gốc VND | Dự phòng VND |
| Nguyên liệu, vật liệu | 6.133.304.228 | - | 7.092.650.715 | - |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | 1.227.146.387 | - | 424.319.212 | - |
| | 7.360.450.615 | - | 7.516.969.927 | - |

5.8 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

| | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc thiết bị | Phương Tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị dụng cụ quản lý | Cộng |
|-----------------------------------|---------------------------|-----------------------|---------------------------------------|-----------------------------|------------------------|
| | VND | VND | VND | VND | VND |
| Nguyên giá | | | | | |
| Tại ngày 01/01/2017 | 42.564.451.304 | 24.703.832.240 | 80.011.696.858 | 1.097.315.255 | 148.377.295.657 |
| Mua trong năm | - | - | - | 222.215.909 | 222.215.909 |
| Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành | 78.195.391 | 1.873.853.147 | 17.350.914.051 | - | 19.302.962.589 |
| Xuất kho nguyên vật liệu | - | 3.278.433.030 | - | - | 3.278.433.030 |
| Phân loại lại | - | 253.985.344 | (253.985.344) | - | - |
| Tại ngày 31/12/2017 | 42.642.646.695 | 30.110.103.761 | 97.108.625.565 | 1.319.531.164 | 171.180.907.185 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | | | | | |
| Tại ngày 01/01/2017 | 21.527.807.290 | 17.832.177.345 | 50.502.311.496 | 342.667.863 | 90.204.963.994 |
| Khấu hao trong năm | 2.755.692.638 | 2.676.967.873 | 6.328.877.529 | 198.832.675 | 11.960.370.715 |
| Phân loại lại | - | 6.047.270 | (6.047.270) | - | - |
| Tại ngày 31/12/2017 | 24.283.499.928 | 20.515.192.488 | 56.825.141.755 | 541.500.538 | 102.165.334.709 |
| Giá trị còn lại | | | | | |
| Tại ngày 01/01/2017 | 21.036.644.014 | 6.871.654.895 | 29.509.385.362 | 754.647.392 | 58.172.331.663 |
| Tại ngày 31/12/2017 | 18.359.146.767 | 9.594.911.273 | 40.283.483.810 | 778.030.626 | 69.015.572.476 |

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

| | | | | | |
|---------------------|-----------------------|----------------------|-----------------------|--------------------|-----------------------|
| Tại ngày 01/01/2017 | 12.017.123.694 | 11.653.595.864 | 18.557.057.559 | 247.891.100 | 42.475.668.217 |
| Tại ngày 31/12/2017 | 17.797.406.226 | 8.582.204.611 | 19.984.947.865 | 247.891.100 | 46.612.449.802 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

Khu công nghiệp Nhơn Trạch, đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.9 Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình

| | Phần mềm kế toán VND |
|-------------------------------|----------------------------|
| Nguyên giá | |
| Tại ngày 01/01/2017 | 45.000.000 |
| Tại ngày 31/12/2017 | 45.000.000 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | |
| Tại ngày 01/01/2017 | 42.500.000 |
| Khấu hao trong năm | 2.500.000 |
| Tại ngày 31/12/2017 | 45.000.000 |
| Giá trị còn lại | |
| Tại ngày 01/01/2017 | 2.500.000 |
| Tại ngày 31/12/2017 | - |

5.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

| | 01/01/2017 VND | Chi phí phát sinh trong năm VND | Kết chuyển vào Tài sản cố định trong năm VND | Giảm khác VND | 31/12/2017 VND |
|---|----------------------|---------------------------------------|---|---------------------|----------------------|
| Xây dựng cơ bản dở dang | | | | | |
| Công trình hệ thống cấp nước KCN Nhơn Trạch công suất 2.500 m ³ /ngày đêm | 1.897.261.662 | 64.437.273 | (1.946.575.328) | (15.123.607) | - |
| Công trình xây mới văn phòng Công ty | 679.566.437 | 73.294.803 | - | - | 752.861.240 |
| Tuyến ống cấp nước D400 đường Nguyễn Văn Cừ | 2.000.000 | 117.000.000 | - | - | 119.000.000 |
| Tuyến ống cấp nước HDPE D160 đường Hùng Vương | 2.000.000 | 4.035.258.763 | (4.037.258.763) | - | - |
| Tuyến ống cấp nước HDPE D160 đường 769 - Trần Phú, xã Phước Thiện | 2.000.000 | 1.105.070.562 | (1.106.506.017) | (564.545) | - |
| Hệ thống cấp nước thô công suất 2.500 m ³ /ngày đêm cho nhà máy xử lý nước Đại Phước | - | 285.460.186 | - | - | 285.460.186 |
| Công trình lắp đặt 2 giếng mới trạm Đại Phước | 236.130.171 | - | - | - | 236.130.171 |
| Các tuyến ống cấp nước khác | 13.636.361 | 12.276.984.603 | (12.212.622.481) | (48.725.755) | 29.272.728 |
| | 2.832.594.631 | 17.957.506.190 | (19.302.962.589) | (64.413.907) | 1.422.724.325 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

Khu công nghiệp Nhơn Trạch, đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.11 Phải trả người bán ngắn hạn

| | 31/12/2017 VND | 01/01/2017 VND |
|--|-----------------------------|-----------------------------|
| <i>Phải trả các bên liên quan</i> | | |
| Công ty Cổ phần Cấp Nước Đồng Nai | 3.445.045.573 | 6.624.075.890 |
| <i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i> | | |
| Công ty Cổ phần Cấp Nước Hồ Cầu Mới | 1.319.072.234 | 1.108.842.213 |
| Các nhà cung cấp khác | 807.951.493 | 537.465.968 |
| | <u>5.572.069.300</u> | <u>8.270.384.071</u> |

Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ quá hạn chưa thanh toán.

5.12 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

| | 31/12/2017 VND | 01/01/2017 VND |
|---|---------------------------|--------------------------|
| <i>Trả trước của các khách hàng khác</i> | | |
| Công ty Thăng Long Hiệp Phước | 230.915.846 | - |
| Công ty SEMCO Phú Yên - CN Đồng Nai | 60.790.000 | - |
| Công ty Xây dựng DIC-CORP | 24.000.000 | - |
| Công ty TNHH Xây Dựng Công trình Hùng Vương | - | 20.000.000 |
| Các khách hàng khác | 1.210.000 | 14.050 |
| | <u>316.915.846</u> | <u>20.014.050</u> |

5.13 Thuế và các khoản phải nộp/ (phải thu) Nhà nước

| | 01/01/2017 | | Số phát sinh trong năm | | 31/12/2017 | |
|--|---------------------------|-----------------------------|-----------------------------|--------------------------------|---------------------------|-----------------------------|
| | Phải nộp VND | Phải thu VND | Số phải nộp VND | Phải nộp VND | Phải nộp VND | Phải thu VND |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | - | (364.137.856) | 5.376.122.561 | (6.000.000.000) | | (988.015.295) |
| Thuế thu nhập cá nhân | 57.249.988 | - | 729.360.188 | (725.956.661) | 60.653.515 | - |
| Thuế tài nguyên | 190.061.862 | - | 3.316.285.422 | (3.231.240.728) | 275.106.556 | - |
| Thuế môn bài | - | - | 3.000.000 | (3.000.000) | - | - |
| Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác | 50.890.640 | - | 282.316.688 | (257.359.348) | 75.847.980 | - |
| Cộng | <u>298.202.490</u> | <u>(364.137.856)</u> | <u>9.707.084.859</u> | <u>(10.217.556.737)</u> | <u>411.608.051</u> | <u>(988.015.295)</u> |

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hàng tiêu thụ trong nước là 5% và 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm là 20%.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

Khu công nghiệp Nhơn Trạch, đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được tính như sau:

| | Năm 2017 VND | Năm 2016 VND |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 26.532.612.804 | 23.923.233.022 |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp: | | |
| Các khoản điều chỉnh tăng | 348.000.000 | 332.000.000 |
| - Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát không tham gia điều hành | 348.000.000 | 332.000.000 |
| Các khoản điều chỉnh giảm | - | - |
| Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp | 26.880.612.804 | 24.255.233.022 |
| Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp | 20% | 20% |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 5.376.122.561 | 4.851.046.604 |

Thuế tài nguyên

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác nước ngầm với mức thuế suất là 5% của sản lượng nước do Công ty sản xuất nhân với mức giá bán nước bình quân.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

5.14 Phải trả người lao động

| | 31/12/2017 VND | 01/01/2017 VND |
|------------------------|----------------------|----------------------|
| Quý lương còn phải trả | 5.494.393.820 | 3.088.569.736 |
| | 5.494.393.820 | 3.088.569.736 |

5.15 Phải trả ngắn hạn khác

| | 31/12/2017 VND | 01/01/2017 VND |
|--|--------------------|--------------------|
| Phải trả các đơn vị và cá nhân khác | | |
| Cổ tức phải trả | 181.993.600 | 139.388.000 |
| Các khoản phải trả ngắn hạn khác | 121.698.836 | 122.331.708 |
| | 303.692.436 | 261.719.708 |

5.16 Quỹ khen thưởng, phúc lợi

| | 01/01/2017 VND | Tăng do trích lập từ lợi nhuận trong năm VND | Chi quỹ trong năm VND | 31/12/2017 VND |
|---|-----------------------|---|-----------------------------|----------------------|
| Quỹ khen thưởng | 6.900.419.078 | 381.443.728 | (3.001.199.729) | 4.280.663.077 |
| Quỹ phúc lợi cho cán bộ công nhân viên, xã hội, cộng đồng | 4.606.163.186 | 572.165.592 | (1.203.253.600) | 3.975.075.178 |
| Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành | 4.832.712 | 572.165.593 | (572.165.000) | 4.833.305 |
| | 11.511.414.976 | 1.525.774.913 | (4.776.618.329) | 8.260.571.560 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

Khu công nghiệp Nhơn Trạch, đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.17 Vốn chủ sở hữu (“VCSH”)**5.17.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

| | Vốn đầu tư của CSH VND | Thặng dư vốn cổ phần VND | Quỹ đầu tư phát triển VND | Lợi nhuận chưa phân phối VND | Cộng VND |
|--|------------------------------|--------------------------------|---------------------------------|------------------------------------|------------------------|
| Số dư tại ngày | | | | | |
| 01/01/2016 | 50.000.000.000 | 6.043.138.411 | 64.187.545.741 | 57.206.817.792 | 177.437.501.944 |
| Tăng vốn trong năm | 25.000.000.000 | - | (25.000.000.000) | - | - |
| Lãi trong trong năm | - | - | - | 19.072.186.418 | 19.072.186.418 |
| Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi | - | - | - | (1.651.518.602) | (1.651.518.602) |
| Trích lập Quỹ khen thưởng Ban điều hành và quản lý | - | - | - | (990.911.161) | (990.911.161) |
| Trích Quỹ đầu tư phát triển | - | - | 1.651.518.602 | (1.651.518.602) | - |
| Chia cổ tức năm 2015 | - | - | - | (15.000.000.000) | (15.000.000.000) |
| Số dư tại ngày | | | | | |
| 31/12/2016 | 75.000.000.000 | 6.043.138.411 | 40.839.064.343 | 56.985.055.845 | 178.867.258.599 |
| Số dư tại ngày | | | | | |
| 01/01/2017 | 75.000.000.000 | 6.043.138.411 | 40.839.064.343 | 56.985.055.845 | 178.867.258.599 |
| Tăng vốn trong năm | 25.000.000.000 | - | (25.000.000.000) | - | - |
| Lãi trong trong năm | - | - | - | 21.156.490.243 | 21.156.490.243 |
| Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi | - | - | - | (953.609.320) | (953.609.320) |
| Trích lập Quỹ khen thưởng Ban điều hành và quản lý | - | - | - | (572.165.593) | (572.165.593) |
| Trích Quỹ đầu tư phát triển | - | - | 953.609.321 | (953.609.321) | - |
| Chia cổ tức năm 2016 | - | - | - | (15.000.000.000) | (15.000.000.000) |
| Số dư tại ngày | | | | | |
| 31/12/2017 | 100.000.000.000 | 6.043.138.411 | 16.792.673.664 | 60.662.161.854 | 183.497.973.929 |

Thông qua phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn từ 75 tỷ VND lên 100 tỷ VND và Nghị Quyết số 01/2017/NQ-ĐHĐCĐ-NTW của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 ngày 20 tháng 10 năm 2017 về việc phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, số cổ phiếu phát hành thêm trong năm là 2.500.000 cổ phiếu. Chi tiết phát hành như sau:

- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông.
- Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VND/Cổ phiếu.
- Đối tượng phát hành: Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền nhận cổ phiếu là ngày 30 tháng 06 năm 2017.
- Phương thức phát hành: Cổ phiếu phát hành cho cổ đông hiện hữu được phân phối theo phương thức thực hiện quyền.
- Tỷ lệ phát hành (tỷ lệ thực hiện quyền) 3:1. Cứ một cổ đông sở hữu 01 cổ phần được nhận 01 quyền nhận cổ phiếu. Cứ 03 quyền nhận cổ phiếu được nhận thêm 01 cổ phiếu mới.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

Khu công nghiệp Nhơn Trạch, đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.17.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

| Cổ đông | 31/12/2017 | | 01/01/2017 | |
|-----------------------------------|------------------------|----------------|-----------------------|----------------|
| | VND | Tỷ lệ (%) | VND | Tỷ lệ (%) |
| Công ty Cổ phần Cấp Nước Đồng Nai | 52.437.360.000 | 52,44% | 39.328.020.000 | 52,44% |
| AMERICA LLC | 14.345.850.000 | 14,35% | 9.811.990.000 | 13,08% |
| Các cổ đông khác | 33.216.790.000 | 33,21% | 25.859.990.000 | 34,48% |
| | 100.000.000.000 | 100,00% | 75.000.000.000 | 100,00% |

5.17.3 Cổ phiếu

| | 31/12/2017 | 01/01/2017 |
|--|------------|------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 10.000.000 | 7.500.000 |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 10.000.000 | 7.500.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 10.000.000 | 7.500.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại | - | - |
| - Cổ phiếu phổ thông | - | - |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 10.000.000 | 7.500.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 10.000.000 | 7.500.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 VND/ Cổ phiếu.

5.17.4 Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ Công ty đã phân phối lợi nhuận năm 2016 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2017 số 01/2017/NQ-ĐHĐCĐ-NTW ngày 20 tháng 04 năm 2017 như sau:

| | VND |
|--|----------------|
| • Chia cổ tức cho các cổ đông bằng tiền (20% x Vốn điều lệ) | 15.000.000.000 |
| • Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (5% x LNST năm 2016) | 953.609.320 |
| • Trích thưởng Ban quản lý, điều hành Công ty (3% x LNST năm 2016) | 572.165.593 |
| • Trích quỹ đầu tư phát triển (5% x LNST năm 2016) | 953.609.321 |

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

6.1.1 Tổng doanh thu

| | Năm 2017 VND | Năm 2016 VND |
|--|------------------------|------------------------|
| Doanh thu cung cấp nước sạch | 151.288.073.500 | 129.162.737.400 |
| Doanh thu hoạt động lắp đặt hệ thống cấp nước sạch và đồng hồ nước | 2.655.822.217 | 2.143.118.122 |
| | 153.943.895.717 | 131.305.855.522 |

6.1.2 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

Khu công nghiệp Nhơn Trạch, đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

6.2 Các khoản giảm trừ doanh thu

| | Năm 2017 VND | Năm 2016 VND |
|---------------------|-------------------|-------------------|
| Hàng bán bị trả lại | 28.192.200 | 13.291.225 |
| | 28.192.200 | 13.291.225 |

6.3 Giá vốn hàng bán

| | Năm 2017 VND | Năm 2016 VND |
|--|------------------------|------------------------|
| Giá vốn cung cấp nước sạch | 116.767.428.257 | 101.075.910.027 |
| Giá vốn lắp đặt hệ thống cấp nước sạch và đồng hồ nước | 1.985.493.743 | 1.666.702.360 |
| | 118.752.922.000 | 102.742.612.387 |

6.4 Doanh thu hoạt động tài chính

| | Năm 2017 VND | Năm 2016 VND |
|------------------------|----------------------|----------------------|
| Lãi tiền gửi ngân hàng | 2.637.228.552 | 3.364.716.265 |
| Lãi tiền cho vay | 2.345.444.445 | 1.453.222.222 |
| | 4.982.672.997 | 4.817.938.487 |

6.5 Chi phí bán hàng

| | Năm 2017 VND | Năm 2016 VND |
|--------------------------|----------------------|----------------------|
| Chi phí nhân viên | 2.791.764.103 | 2.562.125.707 |
| Chi phí vật liệu, bao bì | 2.545.611.852 | 1.369.935.900 |
| Chi phí bán hàng khác | 47.839.731 | 33.269.636 |
| | 5.385.215.686 | 3.965.331.243 |

6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | Năm 2017 VND | Năm 2016 VND |
|-------------------------------------|----------------------|----------------------|
| Chi phí nhân viên quản lý | 6.489.812.120 | 3.703.137.311 |
| Chi phí vật liệu quản lý | 269.000.227 | 139.756.500 |
| Chi phí đồ dùng văn phòng | 226.472.364 | 287.824.046 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 356.606.104 | 100.482.320 |
| Chi phí nhiên liệu | 143.588.789 | 143.043.167 |
| Chi phí tư vấn chuyên nghiệp | 50.000.000 | 88.885.676 |
| Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng xe ô tô | 52.341.010 | 89.885.184 |
| Chi phí tiếp khách, tiệc, hội nghị | 363.892.227 | 453.358.545 |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp khác | 456.890.500 | 456.254.031 |
| | 8.408.603.341 | 5.462.626.780 |

6.7 Thu nhập khác

| | Năm 2017 VND | Năm 2016 VND |
|---|----------------------|--------------------|
| Chuyển nhượng vật tư | 4.257.522.611 | 229.809.840 |
| Cải tạo thay thế trạm cứu hỏa | 142.247.970 | - |
| Thu nhập từ việc bán hồ sơ dự thầu, mở nước | 23.490.609 | 5.339.267 |
| | 4.423.261.190 | 235.149.107 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

Khu công nghiệp Nhơn Trạch, đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

6.8 Chi phí khác

| | Năm 2017 VND | Năm 2016 VND |
|------------------------------|------------------------|------------------------|
| Giá trị vật tư chuyển nhượng | 4.242.283.873 | 226.542.909 |
| Khác | - | 25.305.550 |
| | 4.242.283.873 | 251.848.459 |

6.9 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**6.9.1 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

| | Năm 2017 | Năm 2016 |
|--|-----------------|-----------------|
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 21.156.490.243 | 19.072.186.418 |
| Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông: | | |
| - Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (*) | (1.057.824.512) | (953.609.320) |
| - Trích Quỹ khen thưởng Ban quản lý, điều hành Công ty (*) | (634.694.707) | (572.165.593) |
| Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu | 19.463.971.024 | 17.546.411.505 |
| Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm | 10.000.000 | 7.500.000 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu) | 1.946 | 2.340 |

(*) Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông trong năm 2017 được tạm tính theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2017 số 01/2017/NQ-ĐHĐCĐ-NTW ngày 20 tháng 04 năm 2017 như sau :

| | VND |
|---|---------------|
| • Tạm trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (5% x LNST năm 2017) | 1.057.824.512 |
| • Tạm trích Quỹ khen thưởng Ban quản lý, điều hành Công ty (3% x LNST năm 2017) | 634.694.707 |

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

| | Năm 2017 | Năm 2016 |
|---|-------------------|------------------|
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm | 7.500.000 | 5.000.000 |
| Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành từ quỹ đầu tư phát triển trong năm | 2.500.000 | 2.500.000 |
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm | 10.000.000 | 7.500.000 |

Trong năm 2017, Công ty đã tăng vốn cổ phần từ quỹ đầu tư phát triển với giá trị là 25 tỷ VND (tương ứng với 2.500.000 cổ phiếu).

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

Khu công nghiệp Nhơn Trạch, đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

6.9.2 Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính này.

6.10 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

| | Năm 2017 VND | Năm 2016 VND |
|----------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Giá vốn mua nước sạch | 86.135.325.894 | 71.097.807.528 |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 8.814.809.625 | 5.749.433.115 |
| Chi phí nhân công | 16.767.364.625 | 15.510.210.476 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 11.962.870.715 | 11.312.009.530 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 5.422.735.275 | 5.296.713.482 |
| Chi phí khác | 4.246.462.068 | 3.223.391.393 |
| | <u>133.349.568.202</u> | <u>112.189.565.524</u> |

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**Các giao dịch không bằng tiền**

Trong năm Công ty phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

| | Năm 2017 VND | Năm 2016 VND |
|---|------------------------------|------------------------------|
| Tăng vốn cổ phần từ quỹ đầu tư phát triển | 25.000.000.000 | 25.000.000.000 |
| | <u>25.000.000.000</u> | <u>25.000.000.000</u> |

8. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Công ty có các tài sản tài chính như các khoản cho vay, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Công ty.

Công ty chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức độ hợp lý giữa chi phí khi rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro nhằm đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

i. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

Khu công nghiệp Nhơn Trạch, đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỉ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỉ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của công ty.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của các cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu. Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

ii. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bảng cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

Các khoản cho vay

Công ty có cho công ty mẹ và công ty thành viên vay tiền. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản cho vay là thấp.

iii. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

Khu công nghiệp Nhơn Trạch, đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến trên hợp đồng cơ sở chưa được chiết khấu:

| | Dưới 1 năm VND | Từ 1 đến 5 năm VND | Tổng cộng VND |
|-----------------------------------|----------------------|-----------------------|----------------------|
| Ngày 31 tháng 12 năm 2017 | | | |
| Phải trả người bán | 5.572.069.300 | - | 5.572.069.300 |
| Các khoản phải trả, phải nộp khác | 121.698.836 | - | 121.698.836 |
| | 5.693.768.136 | | 5.693.768.136 |
| Ngày 01 tháng 01 năm 2017 | | | |
| Phải trả người bán | 8.270.384.071 | - | 8.270.384.071 |
| Các khoản phải trả, phải nộp khác | 122.331.708 | - | 122.331.708 |
| | 8.392.715.779 | | 8.392.715.779 |

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

Tài sản đảm bảo

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác tại ngày 31/12/2017 và 01/01/2017.

iv. Giá trị hợp lý

(1) So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

| | Giá trị ghi sổ | | Giá trị hợp lý | |
|--|------------------------------|------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| | Ngày 31 tháng 12 năm 2017 | Ngày 01 tháng 01 năm 2017 | Ngày 31 tháng 12 năm 2017 | Ngày 01 tháng 01 năm 2017 |
| Tài sản tài chính | | | | |
| Các khoản cho vay và phải thu | | | | |
| Phải thu khách hàng | 16.396.571.100 | 17.492.721.380 | 14.081.073.874 | 15.177.224.154 |
| Phải thu các bên liên quan | 51.695.641.448 | 56.700.197.003 | 51.695.641.448 | 56.700.197.003 |
| Các khoản phải thu khác | 424.754.011 | 478.398.211 | 424.754.011 | 478.398.211 |
| Tài sản tài chính sẵn sàng để bán | | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 56.522.018.664 | 59.128.275.285 | 56.522.018.664 | 59.128.275.285 |
| Tổng cộng | 125.038.985.223 | 133.799.591.879 | 122.723.487.997 | 131.484.094.653 |
| Nợ phải trả tài chính | | | | |
| Nợ phải trả tài chính được Xác định theo giá trị phân bổ | | | | |
| Phải trả các bên liên quan | 3.445.045.573 | 6.624.075.890 | 3.445.045.573 | 6.624.075.890 |
| Phải trả người bán | 2.127.023.727 | 1.646.308.181 | 2.127.023.727 | 1.646.308.181 |
| Phải trả khác | 121.698.836 | 122.331.708 | 121.698.836 | 122.331.708 |
| Tổng cộng | 5.693.768.136 | 8.392.715.779 | 5.693.768.136 | 8.392.715.779 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

Khu công nghiệp Nhơn Trạch, đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày 01 tháng 01 năm 2017. Tuy nhiên, Ban Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc kỳ tài chính.

(2) Cơ sở xác định giá trị hợp lý

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác

Giá trị hợp lý của các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, không bao gồm các khoản phải thu và phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng, được ước tính theo giá trị hiện tại của dòng tiền trong tương lai, được chiết khấu theo lãi suất thị trường tại ngày báo cáo. Giá trị hợp lý của các công cụ này được xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

Nợ phải trả tài chính phi phái sinh

Giá trị hợp lý, xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin, được tính dựa trên giá trị hiện tại của dòng tiền tương lai trả gốc và lãi, được chiết khấu theo lãi suất thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Đối với cấu phần nợ của trái phiếu chuyển đổi, lãi suất thị trường được xác định bằng cách tham chiếu các khoản nợ phải trả tương tự không có quyền lựa chọn chuyển đổi. Đối với các khoản nợ thuê tài chính, lãi suất thị trường được xác định bằng cách tham khảo các hợp đồng thuê tương tự.

9. CÁC THÔNG TIN KHÁC

9.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

9.1.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt tại ngày 31 tháng 12 năm 2017.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

Khu công nghiệp Nhơn Trạch, đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

| | Năm 2017 VND | Năm 2016 VND |
|--------------------------|----------------------|----------------------|
| Hội đồng quản trị | 612.000.000 | 684.000.000 |
| Thù lao | 372.000.000 | 324.000.000 |
| Tiền thưởng | 240.000.000 | 360.000.000 |
| Ban kiểm soát | 472.000.000 | 400.968.120 |
| Thù lao | 432.000.000 | 300.968.120 |
| Tiền thưởng | 40.000.000 | 100.000.000 |
| Ban Giám đốc | 1.610.489.630 | 1.645.410.805 |
| Tiền lương | 1.473.737.630 | 1.595.410.805 |
| Tiền thưởng | 31.110.000 | 50.000.000 |
| Phụ cấp trách nhiệm | 105.642.000 | - |

9.1.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*Giao dịch với các bên liên quan khác*

Các giao dịch phát sinh giữa Công ty với các bên liên quan khác không phải là công ty con và công ty liên doanh, liên kết như sau:

| Công ty liên quan | Nội dung nghiệp vụ | Năm 2017 VND | Năm 2016 VND |
|--|--------------------|-----------------|-----------------|
| Công ty Cổ phần Cấp Nước Đồng Nai | | | |
| | Mua nước | 86.135.325.894 | 71.097.807.528 |
| | Trả cổ tức | 7.865.604.000 | 7.865.604.000 |
| | Lãi cho vay | 945.444.445 | 1.095.444.444 |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp Nước Đồng Nai | | | |
| | Thu tiền cho vay | 5.000.000.000 | - |
| | Lãi cho vay | 1.400.000.000 | 357.777.778 |

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thị trường. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thị trường.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ phải thu/(phải trả) với các bên liên quan khác được trình bày như sau:

| Công ty liên quan | Nội dung | 31/12/2017 VND | 01/01/2017 VND |
|--|---|-------------------|-------------------|
| Công ty Cổ phần Cấp Nước Đồng Nai | | | |
| | Phải thu thương mại – Xem thêm mục 5.2 | | |
| | Bán tài sản cố định | 16.466.323.376 | 16.466.323.376 |
| | Phải thu cải tạo sửa chữa hàng rào | | |
| | Trạm bơm tăng áp Nhơn Trạch | 8.391.405 | 8.391.405 |
| | Phải thu về cho vay - Xem thêm mục 5.4 | 20.000.000.000 | 20.000.000.000 |
| | Phải thu khác – Xem thêm mục 5.5 | | |
| | Phải thu di dời trạm cứu hỏa | 82.260.000 | 82.260.000 |
| | Phải thu lãi cho vay | 138.666.667 | 135.444.444 |
| | Phải trả thương mại - Xem thêm mục 5.11 | | |
| | Phải trả tiền mua nước | (3.445.045.573) | (6.624.075.890) |

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

Khu công nghiệp Nhơn Trạch, đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

| Công ty liên quan | Nội dung | 31/12/2017 VND | 01/01/2017 VND |
|--|--|-------------------|-------------------|
| Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp Nước Đồng Nai | | | |
| | Phải thu về cho vay - Xem thêm mục 5.4 | 15.000.000.000 | 20.000.000.000 |
| | Phải thu khác – Xem thêm mục 5.5 | - | 7.777.778 |

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

9.2 Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

Chúng tôi không trình bày Báo cáo bộ phận trên báo cáo tài chính bởi vì Ban Giám đốc đã đánh giá và kết luận rằng Công ty không có nhiều hơn một bộ phận (cả lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý) để báo cáo theo quy định của Chuẩn mực kế toán. Công ty hiện chỉ đang hoạt động chủ yếu ở một lĩnh vực duy nhất là sản xuất và kinh doanh nước tại khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam.

9.3 Số liệu so sánh

Ảnh hưởng của việc sai sót kế toán đến số liệu so sánh trong Báo cáo tài chính như sau:

| Bảng kết quả kinh doanh | Mã số | Năm 2016 | | Năm 2016 Số liệu sau điều chỉnh | Ghi chú |
|------------------------------|-------|-----------------------------|-----------------|---------------------------------------|---------|
| | | Số liệu trước điều chỉnh | Điều chỉnh | | |
| | | VND | VND | VND | |
| Chi phí bán hàng | 25 | 1.496.573.036 | 2.468.758.207 | 3.965.331.243 | (i) |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | 7.931.384.987 | (2.468.758.207) | 5.462.626.780 | (i) |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | 2.543 | (203) | 2.340 | (ii) |

(i) Điều chỉnh chi phí lương nhân viên phòng kinh doanh được ghi nhận vào khoản mục chi phí lương nhân viên quản lý được trình bày lại sang khoản mục chi phí lương nhân viên bán hàng.

(ii) Điều chỉnh các khoản làm giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông do trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi, Quỹ khen thưởng Ban điều hành từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2016 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2017 số 01/2017/NQ-ĐHĐCĐ-NTW ngày 20 tháng 04 năm 2017. Việc điều chỉnh hồi tố này làm cho lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2016 giảm từ 2.543 VND/CP xuống còn 2.340 VND/CP.

9.4 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.



NGUYỄN VĂN HOÀN
Người lập biểu



ĐẶNG THỊ THU HẰNG
Kế toán trưởng




NGUYỄN ANH TUẤN
Giám đốc
Đồng Nai, ngày 31 tháng 01 năm 2018



2017

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC
NHƠN TRẠCH**

Nhơn Trạch, Ngày 13 tháng 02 năm 2018

XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

GIÁM ĐỐC



NGUYỄN ANH TUẤN